

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT
TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM	
SỐ CÔNG BỐ THÔNG TIN	TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN	Số: 18231 (V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020)
	Ngày: 19/04/21
Chuyển:	NYP
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI)

Mã chứng khoán: IDI

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02773. 680 616

Fax: 02773. 680 616

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Chung

Địa chỉ: 72 Trần Nhật Duật, TP. Long Xuyên, An Giang

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0913 694 597

Fax:

Loại thông tin công bố ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan:

- Báo cáo thường niên năm 2020

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Văn Chung



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0277 3680383 - 0277 3296800 Fax: 0277 3680382
Email: info@idiseafood.com
Website: idiseafood.com



Thư Ngõ của Chủ tịch HĐQT	4-4
I/ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	
1.1- LỊCH SỬ HÌNH THÀNH	
a) Thành Lập	5-5
b) Quá trình tăng vốn điều lệ	5-6
c) Các sự kiện khác	6-6
1.2- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	
a) Ngành nghề kinh doanh	7-7
b) Địa bàn kinh doanh	7-7
c) Tóm tắt quá trình phát triển công ty	7-10
1.3- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	
a) Mô hình quản trị	10-10
b) Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ	10-10
c) Hội đồng quản trị	10-11
d) Ban tổng giám đốc	12-12
e) Ban kiểm toán nội bộ	12-12
f) Các phòng ban khác	12-12
g) Các công ty liên kết	13-14
1.4- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	
a) Các mục tiêu chủ yếu của công ty	14-21
b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn	22-22
c) Các mục tiêu phát triển bền vững	22-22
1.5- CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
2.1- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	23-24
b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch	25-26
c) Hoạt động sản xuất kinh doanh	26-27
2.2- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	
a) Danh sách ban điều hành	28-30
b) Những thay đổi trong ban điều hành	31-31
c) Nguồn nhân lực	31-31
2.3- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	
a) Các khoản đầu tư lớn trong năm	31-31
b) Tóm tắt về hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết	31-34
2.4- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
a) Tình hình tài chính	35-35
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	35-35
2.5- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	
a) Cổ phần	36-36
b) Cơ cấu cổ đông	36-36
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	37-37
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ	37-37
e) Các chứng khoán khác	37-37
2.6- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	
2.6.1 Tác động lên môi trường	37-37
2.6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu	37-37
2.6.3 Tiêu thụ năng lượng	38-38
2.6.4 Tiêu thụ nước	38-38
2.6.5 Tuân thủ pháp luật về môi trường	38-38
2.6.6 Chính sách liên quan đến người lao động	38-40
2.6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương	41-41
2.6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh	41-41

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- | | |
|--|-------|
| a) <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm</i> | 42-42 |
| b) <i>Những tiến bộ công ty đã đạt được</i> | 42-48 |

3.2- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- | | |
|---------------------------------------|-------|
| a) <i>Phân tích tình hình tài sản</i> | 49-49 |
| b) <i>Tình hình nợ phải trả</i> | 49-50 |

3.3- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- | | |
|--|-------|
| a) <i>Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2020</i> | 50-54 |
| b) <i>Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2021</i> | 54-61 |

3.4- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- | | |
|---|-------|
| a) <i>Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải</i> | 62-62 |
| b) <i>Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải</i> | 62-62 |
| c) <i>Về quản lý chất thải rắn</i> | 62-64 |

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4.1- ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4.2- ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5.2- BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

5.3- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

VI/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1- Ý KIẾN KIỂM TOÁN

6.2- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



**THƯ NGỎ CT.HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA IDI**

**Kính thưa: Quý Cổ Đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển
Đa Quốc Gia IDI !**

Lời đầu tiên thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty IDI, tôi xin gửi lời chào, lời tri ân sâu sắc đến toàn thể quý vị đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt chặng đường vừa qua.

Kính thưa Quý cổ đông! Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với hầu hết các nền kinh tế trên Thế giới. Đại dịch Covid-19 đã làm cho những siêu cường kinh tế như Mỹ, Châu Âu chính thức suy giảm, nền kinh tế lớn thứ 2 Thế giới như Trung Quốc cũng phải điều đứng mới thoát khỏi một năm suy thoái. Đại dịch đã nhanh chóng lan rộng và vượt qua mọi sự hiểu biết, kinh nghiệm phòng chống dịch bệnh của tất cả các tổ chức y tế trên Thế giới. Chỉ trong vòng 1 năm cả Thế giới đã có hơn 100 triệu ca nhiễm bệnh và hơn 2 triệu người tử vong, làm cho việc lưu thông hàng hóa bị ngưng trệ, xuất khẩu bị ách tắc, sức tiêu dùng suy yếu nghiêm trọng, hàng loạt doanh nghiệp phải điều đứng. Nhiều doanh nghiệp có sức chịu đựng kém phải cắt giảm lao động, giảm giờ làm, hoặc buộc phải dừng hoạt động và cũng không ít doanh nghiệp đã phá sản.

Trước vô vàn khó khăn và thử thách như vậy, HĐQT và Ban tổng giám đốc cùng toàn thể CB_CNV của công ty đã sát cánh cùng nhau phòng chống dịch, thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, tái cấu trúc sản xuất theo hướng an toàn hiệu quả trước tình hình dịch bệnh phức tạp và nguy hiểm. Sau một thời gian dài cùng cố nội lực, chúng ta đã duy trì được sản xuất kinh doanh, ổn định được nhân sự và đặc biệt là kết nạp thêm hàng trăm thành viên mới với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc tốt về với Đại gia đình của IDI. Hơn thế nữa, trong lúc khó khăn như vậy nhưng chúng ta đã có đủ nguồn lực để nhanh chóng chớp thời cơ và mua được nhiều tài sản lớn có giá trị rất cao với “ giá hời”. Mặc dù kết quả đạt được của năm qua còn khiêm tốn nhưng cũng đáng mừng so với các doanh nghiệp khác, điều đó cho thấy sự nỗ lực rất lớn của cả tập thể IDI. Tôi rất cảm kích khi tất cả các thành viên trong đại gia đình IDI đều thấu hiểu, cảm thông và chia sẻ với công ty để vượt qua khó khăn và thử thách như vậy.

Sắp tới đại dịch covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp và khủng hoảng kinh tế khả năng sớm xuất hiện, đây là đòn cân não mà ban lãnh đạo Công ty phải đối phó, làm thế nào để ổn định và phát triển trong thời gian tới. Vì vậy, tôi mong rằng Ban tổng giám đốc và toàn thể CB_CNV Công ty phải tiếp tục nỗ lực tư duy và làm việc sáng tạo hơn nữa, tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết để giúp con tàu IDI vượt bão an toàn.

Với tư cách CT.HĐQT và cũng là người khai sáng ra Công ty IDI, tôi xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty IDI, CB_CNV cùng tất cả Quý vị cổ đông, Quý đối tác đã luôn gắn bó, ủng hộ và đồng hành cùng Công ty IDI trong suốt chặng đường vừa qua. Cùng với sự chung sức của tất cả các thành viên trong đại gia đình IDI sẽ là động lực cho tôi tiếp tục khai sang và kiến tạo để xây dựng mái nhà IDI ngày càng vững chắc và phồn thịnh.

Cuối cùng, xin kính chúc Quý vị cùng gia quyến sức khỏe, hạnh phúc và thành công.
Trân trọng!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch**



LÊ THANH THUẬN

I/ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**1.1 - LỊCH SỬ HÌNH THÀNH****a) Thành lập**

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 19 số 0303141296 ngày 25/11/2019.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Tên tiếng Anh : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION.

- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I

- Vốn điều lệ đăng ký : 2.276.446.080.000 đồng.

- Vốn điều lệ thực góp : 2.276.446.080.000 đồng.

- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại : 0277 3680 383 Fax: 0277 3680 382

- Website : www.idiseafood.com

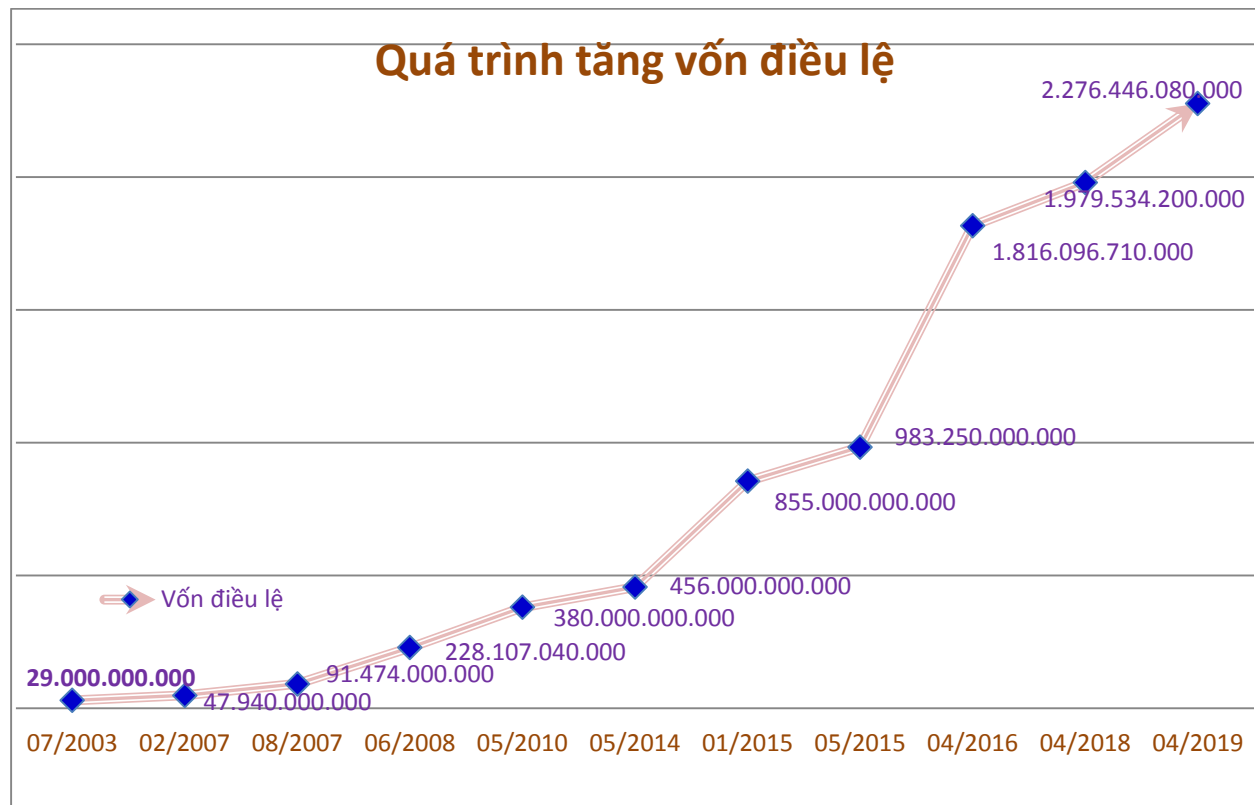
- Email : info@idiseafood.com

- Mã số thuế : 0303141296

- Đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

b) Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thay đổi vốn điều lệ 10 lần, từ số vốn đăng ký ban đầu là 29.000.000.000 đồng lên 2.276.446.080.000 đồng. Các lần thay đổi vốn điều lệ trên, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như đã báo cáo UBCK Nhà nước và lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm.



c) Các sự kiện khác

- Tháng 01/2010: Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009” và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là một trong 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”.

- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam” lần thứ hai – Năm 2012.

- Ngày 31/12/2013: Công ty điện lực Đồng Tháp khen tặng Công ty IDI đã sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả năm 2013.

- Ngày 27/04/2014: Bộ Công thương tặng bằng khen cho Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu năm 2013.

- Ngày 09/12/2015: Sở Công thương Đồng Tháp khen tặng Công ty IDI đã có thành tích năng động sáng tạo, vượt khó trong sản xuất kinh doanh và có nhiều đóng góp cho sự phát triển ngành Công thương năm 2015.

- Năm 2016 IDI được vinh danh là một trong 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do báo Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.

- UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đầu phong trào thi đua của Khối, Cụm thi đua năm 2017.

- Chủ tịch Hiệp hội Cá tra Việt Nam tặng Bằng Khen là Hội viên có đóng góp tích cực cho hoạt động Hiệp hội góp phần phát triển bền vững ngành hàng cá tra năm 2017

- UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong Phong trào “Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh dạy nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động” năm 2018.

- Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam chúc mừng là Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản xuất sắc năm 2019.



1.2- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

a- Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất và kinh doanh dầu cá.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 72830/QĐ-SHTT ngày 19/10/2017.

b- Địa bàn kinh doanh

Năm 2020, Công ty đã xuất khẩu đến hơn 200 khách hàng với 45 quốc gia và vùng lãnh thổ trên Thế giới. Trong đó, thị trường Trung Quốc – Hong Kong chiếm hơn 40% và thị trường Mexico chiếm hơn 20% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

c- Tóm tắt quá trình phát triển công ty.

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban điều hành là cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô 23ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2006, IDI chi trả đền bù và khởi công xây dựng hạ tầng Khu tái định cư và Cụm CN Vàm Cống giai đoạn 1.

- Năm 2007, IDI khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1, các hạng mục phụ trợ khác và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu.

- Năm 2008, IDI hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động.

- Năm 2009, I.D.I tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3, tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2010, vận hành nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

- Năm 2011, khởi công dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá với công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày và tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng (giai đoạn I), diện tích sử dụng 10.600m².

- Năm 2012 đầu tư Nhà máy tinh luyện dầu cá đến cuối tháng 6/2013 đã hoàn thành đưa vào khai thác. Tháng 12 năm 2014 sản phẩm dầu cá cao cấp Raneer chính thức đi vào hệ thống siêu thị Việt nam.

- Ngày 10/10/2015 Công ty IDI đã khởi công dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất thiết kế 378.000 tấn/năm. Cuối tháng 11/2017 nhà máy đã đi vào hoạt động sản xuất và cho ra các sản phẩm thức ăn giàu dinh dưỡng cho cá Tra, cá có vẩy.

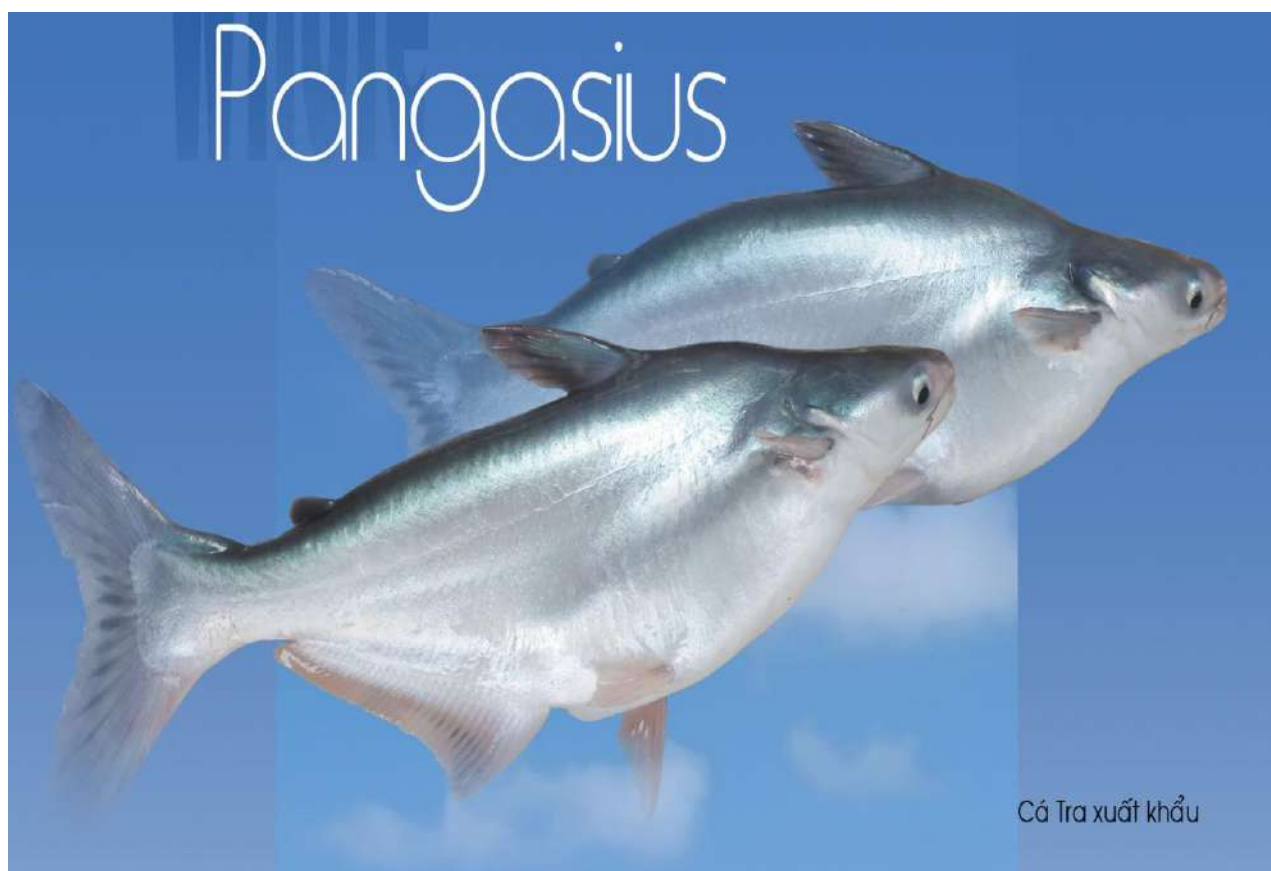
- Cuối năm 2018, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.

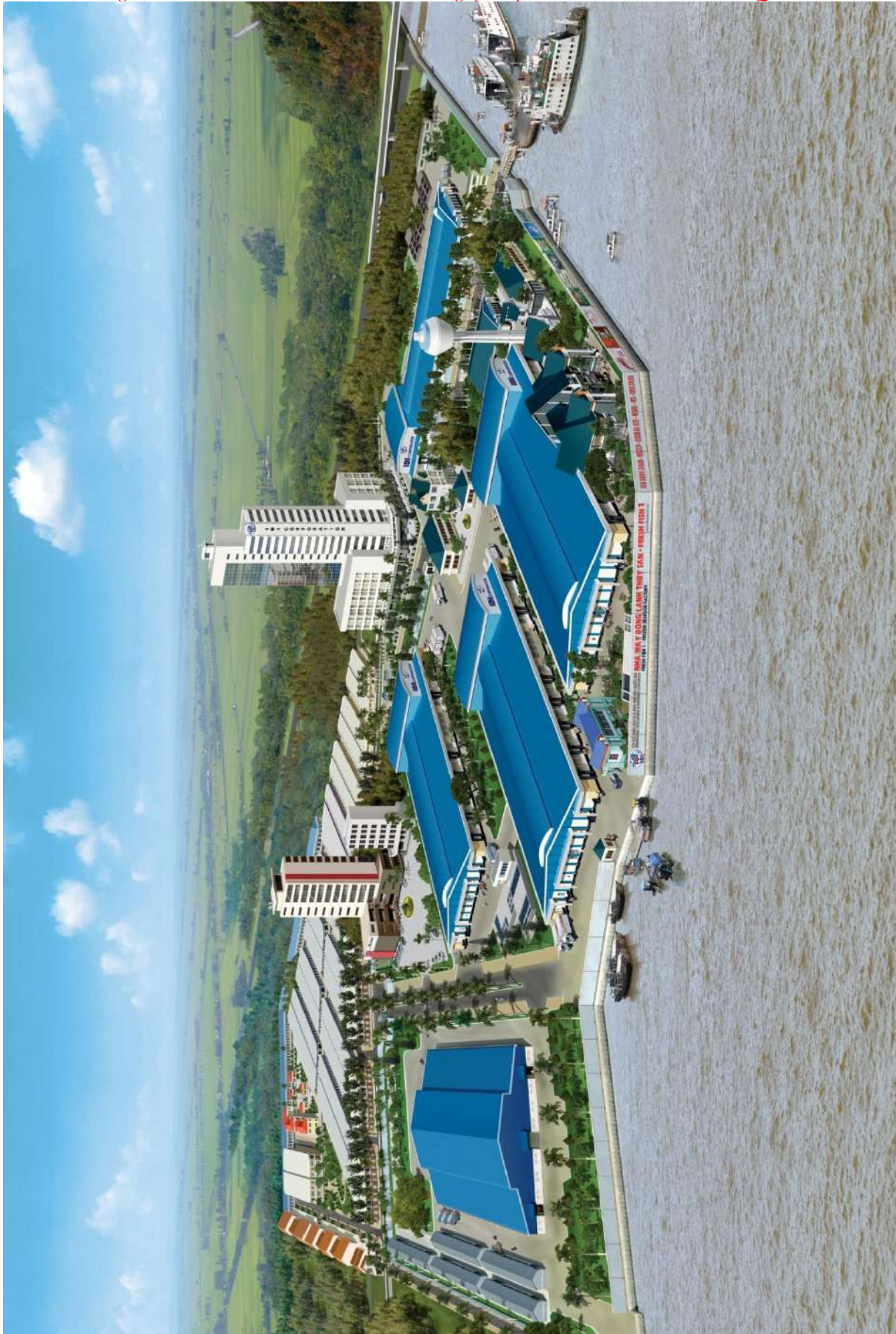
- Tháng 02/2020, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.

- Ngoài ra, I.D.I luôn có tên trong top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam.

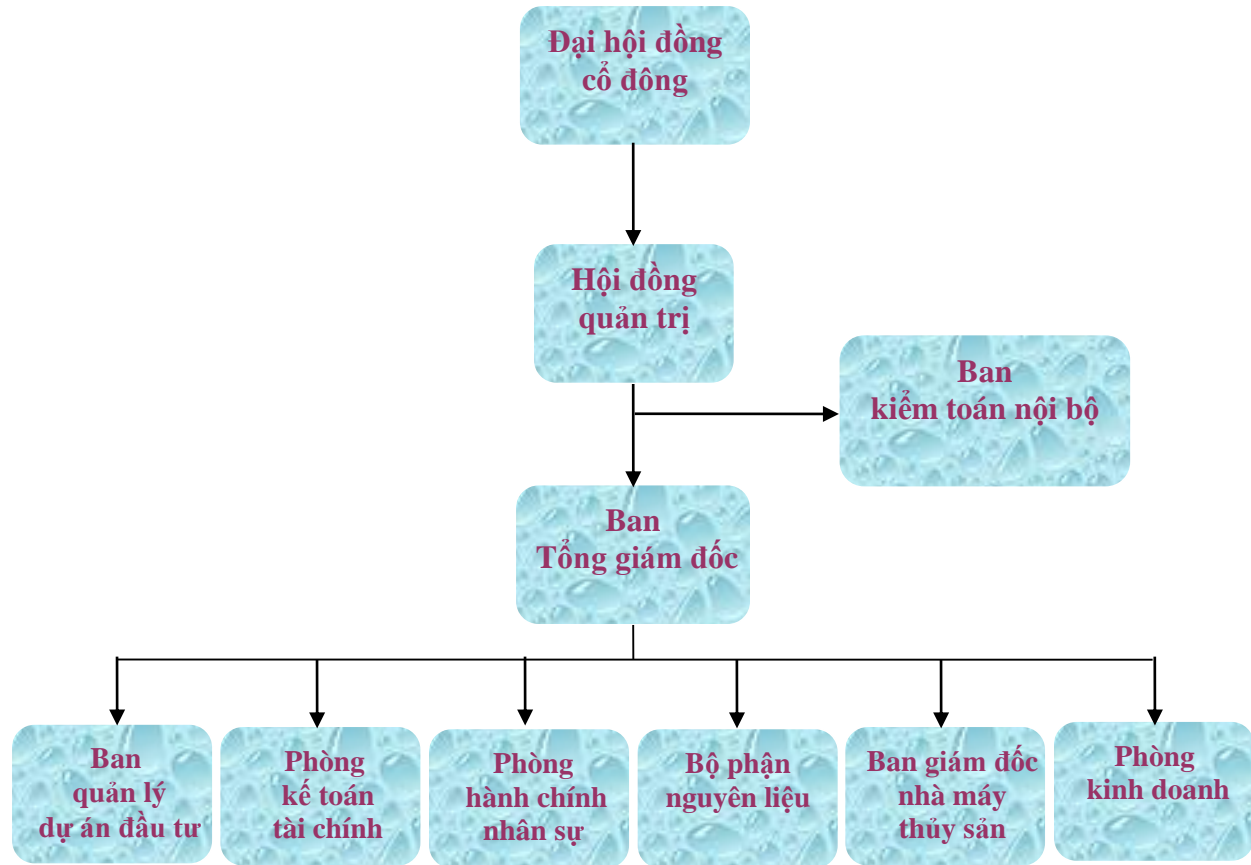


IDI NIỆM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN TP. HCM





Cụm Công Nghiệp Vàm Cống và Các Nhà máy Thủy Sản

1.3- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**a- Mô hình quản trị****b- Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ**

Ban tổng giám đốc điều hành chung. Ban giám đốc nhà máy thủy sản, ban quản lý dự án đầu tư và các phòng ban khác điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Ban giám đốc nhà máy thủy sản: Trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chế biến thủy sản từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm và kiểm định sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Ban quản lý dự án đầu tư: Quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống và các dự án khác tại huyện Lấp Vò (kể cả việc đầu tư liên kết với nông dân trong việc nuôi cá), tỉnh Đồng Tháp.
- Các phòng ban khác: Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể được phân công. Mỗi phòng ban đều có các trưởng, phó phòng trực tiếp phụ trách quản lý.

c- Hội đồng quản trị

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban tổng Giám đốc.

- HĐQT công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm:

- | | |
|----------------------|----------------------------------|
| ○ Ông Lê Thanh Thuận | Chủ tịch. |
| ○ Ông Lê Văn Chung | Phó chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. |
| ○ Ông Tống Phi Hùng | Thành viên HĐQT độc lập. |



Các thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 tại ĐHĐCDTN 2019

d- Ban tổng giám đốc

- Ban giám đốc có 07 thành viên gồm 01 Tổng giám đốc và 04 Phó tổng giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là bộ phận tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCD đã thông qua.

- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty. Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban tổng giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

- Ban tổng giám đốc gồm có:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| ○ Ông Lê Văn Chung | Tổng Giám đốc. |
| ○ Ông Lê Văn Cảnh | Phó Tổng Giám đốc. |
| ○ Ông Phạm Đình Nam | Phó Tổng Giám đốc. |
| ○ Ông Nguyễn Thanh Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| ○ Bà Võ Thị Minh Tâm | Phó Tổng Giám đốc |
| ○ Ông Trương Công Khánh | Giám đốc tài chính. |
| ○ Ông Nguyễn Đức Phương | Kế toán trưởng. |



Các thành viên ban lãnh đạo Công ty tại ĐHĐCDTN năm 2020

e- Ban kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ đóng vai trò là người bảo vệ giá trị cho doanh nghiệp. Kiểm toán nội bộ là một quan sát viên độc lập, nhằm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định pháp luật quốc gia, đạo đức kinh doanh và quy chế hoạt động của công ty. Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giữ vai trò là người tư vấn và định hướng cho ban giám đốc và hội đồng quản trị về kiểm soát rủi ro.

- BKTNB công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm:

- Bà Lê Thị Phụng Trưởng ban.
- Bà Ngô Thị Tố Ngân Thành viên.
- Ông Lê Hoàng Cương Thành viên.

f- Các phòng ban khác

- Phòng kế toán tài chính:

Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư, quản lý các nguồn vốn kinh doanh. Phân tích và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư. Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo chuẩn mực kế toán hiện hành, thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng. Phối hợp các phòng ban lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung dài hạn, giải quyết công nợ với khách hàng.

- Phòng hành chính nhân sự:

Phụ trách các hoạt động lễ tân, tiếp khách, quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân sự. Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự. Hoạch định nhân sự nhằm mục đích phục vụ cho mục đích kinh doanh cũng như chiến lược của Công ty. Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGD và Người lao động trong Công ty. Hỗ trợ cho các bộ phận liên quan về công tác đào tạo nhân viên, cách thức tuyển dụng nhân sự...

- Xí nghiệp nuôi trồng và phát triển nguyên liệu:

Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất. Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch. Xây dựng quy trình nuôi cá cũng như quy trình xử lý khi vùng nuôi khi cá gặp dịch bệnh. Kiểm soát và quản lý sao cho giá thành nuôi thấp nhất nhằm nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phòng kinh doanh:

Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, triển khai các phương án mở rộng thị trường. Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu. Luôn chủ động mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng mới. Nắm bắt nhu cầu của khách hàng cũng như những phản ánh của khách hàng nhằm khắc phục những hạn chế từ đó hoàn thiện hơn trong việc chăm sóc khách hàng.

g- Các công ty liên kết**- Công ty Mẹ****➤ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM)**

- + Vốn điều lệ : 2.588.678.490.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 258.867.849 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- + Thành lập ngày : 05/03/1997 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600169024, thay đổi lần thứ 31 ngày 04/05/2019.
- + Điện thoại : 0296 3840 138 Fax: 0296 3840 139.
- + Website : www.saomaig.vn Email: thuanasamai@hotmail.com
- + Mã số thuế : 16001690241.
- + Đại diện theo Pháp luật: Ông **Lê Thanh Thuận** – Chức vụ Tổng giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - *Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.*
 - *Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.*
- + Tình hình cổ phần:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ IDI đến 31/12/2020	Số vốn cổ phần của ASM đến 31/12/2020	Tỷ lệ (%)
2.276.446.080.000	1.166.124.310.000	51,23%

- Công ty con**➤ Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Tài Chính-ASTAR:**

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
- + Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600583700 và thay đổi lần thứ 11 ngày 25/07/2017.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - *Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.*
 - *Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.*
- + Tình hình góp vốn:

Vốn Chủ sở hữu ASTAR	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2020	Tỷ lệ (%)
52.168.973.891	32.890.000.000	63,05%

➤ **Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco (DAT):**

- + Vốn điều lệ : 460.054.130.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 46.005.413 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày: Ngày 15/03/2008 theo giấy CNĐKKD số 5203000095, thay đổi lần thứ 20 ngày 29/07/2019 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Văn Lâm** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - *Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.*
 - *Nuôi trồng thủy sản nội địa.*
 - *Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.*
 - *Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.*
 - *Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.*
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ Trisedco đến 31/12/2020	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2020	Tỷ lệ (%)
460.054.130.000	364.575.640.000	79,25%

1.4- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

a- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

a-1) Xây dựng trại cá tra giống:

- Chất lượng cá giống suy giảm là một thực trạng đáng lo ngại, làm giảm hiệu quả nuôi một cách nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là do chất lượng đàn cá bố mẹ bị thoái hóa, lai cận huyết, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất cá bột, cho cá đẻ ép, đẻ non và đẻ nhiều lần trong năm, dẫn đến nhiều hệ lụy kèm theo trong việc nuôi cá như:

- Tỷ lệ hao hụt: lớn khoảng 25-30%, một số ao cá biệt tỷ lệ hao hụt lên đến 40 – 50%.

- Chi phí nuôi tăng cao: Trước đây, giống cá tra còn tốt nên thời gian nuôi bình quân khoảng 5-6 tháng là cá đã đạt tiêu chuẩn sản xuất (0.8 – 0.9 kg/con) với hệ số thức ăn chỉ khoảng 1.4kg. Còn hiện nay để đạt được Size cá trên, người nuôi phải mất khoảng 8-9 tháng với hệ số thức ăn 1.55 – 1.6kg.

- Chất lượng cá nguyên liệu giảm: Chất lượng giống cá tra thấp không những ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ sống của cá nuôi, năng suất và thời vụ... mà còn ảnh hưởng đến cả chất lượng cá nguyên liệu, cá dễ bị còi cọc, dị hình, màu thịt cơ xấu, tỷ lệ thu hồi fillet giảm.

- Dịch bệnh nhiều hơn: Theo kết quả khảo sát gần đây của Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ, tỷ lệ cá tra nuôi ở ĐBSCL bị nhiễm bệnh là khá cao. Hầu như tất cả các vùng nuôi đều xuất hiện những loại bệnh phổ biến trên cá tra như xuất huyết, trắng mang, trắng gan, và nhất là căn bệnh nguy hiểm gan thận mủ... Có những vùng nuôi, tỷ lệ cá tra nhiễm bệnh gần như tới 100%. Cá tra ở ĐBSCL bị bệnh từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, là do cá bị nhiễm khuẩn gây các bệnh xuất huyết, đốm trắng..., hoặc bị các loài ký sinh trùng (trùng mặt trời, trùng bánh xe...), giáp

xác ký sinh và nấm gây hại. Bên cạnh đó, chế độ dinh dưỡng cho cá không cân đối đã gây ra các hội chứng thiếu vitamin, thiếu canxi, môi trường vùng nuôi bị ô nhiễm....

- Trước những thách thức trên và mục tiêu phát triển bền vững thì yêu cầu cấp bách đặt ra là Công ty cần phải xây dựng một trung tâm giống công nghệ cao, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như giảm tỷ lệ hao hụt, rút ngắn ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.

a-2) Phát triển vùng nuôi cá của Công ty:

- Để đạt được mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trại cá giống hiện đại vẫn chưa đủ. Công ty cần phải nỗ lực để đầu tư cho vùng nuôi của mình một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo chất lượng cá cũng như việc kiểm soát giá thành.

- Với tầm quan trọng như trên và tình hình dịch bệnh Covid-19 dần được kiểm soát, ngành xuất khẩu cá tra dần quay đầu tăng trưởng trở lại thì công ty dự kiến mở rộng vùng nuôi liên kết đến cuối năm 2022 sẽ đạt khoảng 450 ha và đạt các tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P, BRC để chuẩn bị nguyên liệu cho nhà máy chế biến thủy sản số 03. Như vậy đến cuối năm 2021 diện tích nuôi liên kết của Công ty sẽ đạt 350 hecta đảm bảo cơ cấu nguyên liệu cung cấp cho nhà máy đông lạnh đạt khoảng 80-85% so với nhu cầu nguyên liệu của năm 2021. Các chính sách đi kèm là phải hỗ trợ người nông dân gắn bó lâu dài, đồng hành cùng công ty trên tinh thần hợp tác cả hai bên cùng có lợi.



Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản

a-3) Xây dựng nhà máy chế biến cá tra Fillet xuất khẩu số 3:

- Toàn bộ lượng cá thu hoạch từ vùng nuôi của Công ty kết hợp với nuôi liên kết sẽ được đưa về nhà máy chế biến đông lạnh để fillet xuất khẩu. Với công suất thiết kế của nhà máy đông lạnh số 1 là 300 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động 12 giờ).



- Tháng 05/2016, nhà máy số 2 đã đi vào hoạt động với công suất thiết kế là 150 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày thì năm 2017, 2018 cũng đã hoạt động hết công suất mà vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng.



- Bên cạnh việc hoàn thành **Kho lạnh số 3** với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm, Công ty cũng khởi công xây dựng và đầu tháng 02/2020 đã đưa vào sử dụng **Kho lạnh số 4** với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm, điều này đã khắc phục được tình trạng phải thuê gia công bên ngoài trước đây và

đồng thời giúp Công ty nâng sức chịu đựng lên đáng kể trước tình hình dịch bệnh Covid-19 khiến thế giới đóng cửa, “bế quan tỏa cảng”, nhiều doanh nghiệp thủy sản khác lao đao phải ngừng hoạt động, nhiều hộ dân nuôi cá tra không có đầu ra.



- Trước tình hình Covid-19 dần được kiểm soát và các nước trên Thế giới đã bắt đầu tiêm vắc xin phòng chống Covid-19 trên người thì Thế giới dần mở cửa xuất nhập khẩu trở lại, điều này sẽ giúp ngành cá tra phục hồi đáng kể, thậm chí là tăng cao đột biến trong những năm tới. Chính vì thế, ban lãnh đạo công ty IDI sẽ tiếp tục triển khai dự án xây dựng **Nhà máy chế biến thủy sản số 3** với công suất thiết kế 400 tấn nguyên liệu/12 giờ/ ngày, dự kiến xây dựng vào quý IV/2021 trên phần quỹ đất sẵn có của Công ty.



Kho lạnh số 04 sẽ hợp thể với nhà máy số 03 khi nhà máy hoàn thiện



Công nhân đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của nhà máy Thủy sản IDI

a-4) Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá:



- Hiện tại nhà máy bột cá và mỡ cá là một nhà máy của Công ty CP đầu tư du lịch & phát triển thủy sản Trisedco. Đây là một công ty con của IDI với tỷ lệ góp vốn gần 80% và là một thành viên trong tập đoàn Sao Mai. Sử dụng từ nguồn phụ phẩm của nhà máy đông lạnh IDI để làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy. Với quy trình và Công nghệ hiện đại thì nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Hiện tại Công ty đã hoàn thành việc nhập dây chuyền sản xuất bột cá mỡ cá và đã đưa vào sử dụng với công suất 400 tấn nguyên liệu/ngày. Việc nhà máy đông lạnh của IDI được mở rộng và nâng công suất thì nhà máy bột cá và mỡ cá mặc nhiên cũng sẽ được nâng công suất lên. Với Công suất này thì hàng ngày sẽ cho ra 90 tấn mỡ và 85 tấn bột cá, phần mỡ cá này sẽ đáp ứng cho nhu cầu của nhà máy tinh luyện dầu cá Raneer.





a-5) Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản:

Hiện tại trong chuỗi sản xuất thủy sản của IDI gồm 2 nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu và đang xây dựng thêm 1 nhà máy mới, 1 nhà máy chế biến phụ phẩm và đang tiếp tục được mở rộng nâng công suất lên gần 600 tấn nguyên liệu/ngày, 1 nhà máy tinh luyện dầu ăn với công suất 220 tấn nguyên liệu/ngày, 1 nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất 378.000 tấn/năm. Với số lượng và nhu cầu của các nhà máy này, hàng năm trong chuỗi cần mua hàng trăm tỷ đồng bao bì các loại. Chính vì nhu cầu này mà để quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả, tiết kiệm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty. Ban điều hành đã trình HĐQT về kế hoạch đầu tư dự án nhà máy bao bì thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu trên cũng như cung cấp bao bì các loại cho cả thị trường ở khu vực ĐBSCL. Với định hướng đầu tư dự án hiện đại, tự động hóa nhằm kiểm soát giá thành tốt nhằm giảm giá thành sản phẩm của Công ty tăng tính cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành. Tổng giá trị của dự án đầu tư dự kiến khoảng 200 tỷ đồng, với quỹ đất sẵn có thì dự án có thể được khởi công trong Quý IV/2020 và dự kiến hoàn thành trong năm 2021. Khi dự án hoàn thành thì một phần ổn định trong chuỗi sản xuất thủy sản, phần còn lại cũng góp phần nâng doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty lên đáng kể, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra, cá basa và đầu tư quỹ bất động sản theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn ASC phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tập trung đối tượng có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với con cá tra.

- Giữ vững thị phần trên các thị trường lớn (EU, Nam Mỹ, Trung Quốc, . .), đồng thời không ngừng mở rộng thị trường để tăng thị phần trên các thị trường tiềm năng khác (Nga, Anh, Trung Đông, Ấn Độ, các nước Đông Âu, Trung Mỹ, Châu Phi, Canada, Asean và Úc..). Bên cạnh đó, củng cố và phát triển chế biến thủy sản nội địa, mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm để phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam đối với sản phẩm cá tra, và cả dầu cá.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt chú trọng giám sát các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tạo công ăn việc làm, giúp cải thiện đời sống cho hàng ngàn CB-CNV ở các vùng lân cận và góp phần làm suy giảm các tệ nạn xã hội trên địa bàn hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục chung tay giúp đỡ cùng với các quỹ hỗ trợ người nghèo, khó khăn trên địa bàn.

- Tiếp tục tham gia các hội nghị thảo luận về bảo vệ môi trường và thường xuyên tuyên truyền về việc vệ sinh máy móc thiết bị, sửa chữa và thay mới các thiết bị hư hỏng, quá hạn sản xuất để giảm thiểu tối đa nguồn khí thải ra môi trường nếu có.



1.5- CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

○ *Về môi trường nước và chất lượng cá giống:* Hiện nay chất lượng cá giống rất thấp, khiến sức đề kháng thấp dễ bị mắc bệnh dẫn đến tỷ lệ hao hụt lớn khoảng 25-30%. Bên cạnh đó, chất lượng môi trường nước cũng rất xấu do lượng thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật quá nhiều trong nước cũng khiến cho một số ao cá biệt tỷ lệ hao hụt lên đến 40 – 50%. Ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất của công ty.

○ *Về thị trường tiêu thụ:* Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất cho mặt hàng cá tra của Việt Nam. Tuy nhiên, theo nhận định của các doanh nghiệp xuất khẩu Cá tra, tuy đang có mức tăng trưởng khá cao, song Trung Quốc vẫn luôn được đánh giá là thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro đối và không ổn định về nhu cầu, lúc mua mạnh một cách đột ngột, lúc không mua và mới đây nhất là vấn đề kiểm soát dịch Covid-19 trên hàng đông lạnh khiến hàng hóa bị ách tắc, ứ ứ ở các cảng xuất nhập khẩu Trung Quốc, điều này làm vượt tầm kiểm soát của các doanh nghiệp. Trong khi đó, doanh nghiệp cá tra lại không thể linh hoạt điều chỉnh nhanh theo thị trường khi cá dưới ao vẫn phải cho ăn, nhà máy vẫn phải duy trì sản xuất để giữ chân người lao động khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ có vốn kinh doanh ít, khả năng chịu đựng tồn kho chỉ trong thời gian ngắn nên dễ rơi vào phá sản nếu đầu ra khó khăn kéo dài.

Không chỉ rủi ro trong hoạt động mua bán, thị trường Trung Quốc cũng ngày càng khó tính về chất lượng sản phẩm. Hiện thị trường Trung Quốc đã bắt đầu siết chặt các quy định về quản lý chất lượng cá tra nhập khẩu. Do đó, các doanh nghiệp cũng cần chú ý điều này. Cần đa dạng hóa hơn nữa các sản phẩm cá tra xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm chế biến và sản phẩm giá trị gia tăng cao.

○ *Về thiên tai và tác động của con người:* Những năm gần đây do biến đổi khí hậu, thời tiết nắng nhiều mưa ít và do nhiều quốc gia xây dựng nhiều đập thủy điện chặn giữ nước trên đầu thượng nguồn sông Mê Kông, dẫn đến lượng nước ngọt đổ về quá ít, thậm chí tình trạng ngập mặn ở ĐBSCL còn xảy ra liên tục và đáng báo động. Tình hình này khiến cá tra dễ bị bệnh, chậm lớn và size cá khi thu hoạch thường không đồng đều, khiến việc đóng hàng xuất khẩu mất thời gian dài hơn và khâu quản lý, đánh dấu size thành phẩm vất vả hơn.

○ *Về dịch bệnh:* Năm 2020 chứng kiến đại dịch Covid-19 tàn phá toàn cầu kinh hoàng, hơn 100 triệu ca nhiễm bệnh và hơn 2 triệu người tử vong vì covid-19. Cho thấy nó vượt qua rất nhiều so với sự hiểu biết, cách kiểm soát và kinh nghiệm phòng chống các đại dịch trước đây của con người. Điều này khiến cả Thế giới đóng cửa, ngừng giao thông thương mại với bên ngoài, khiến tất cả các ngành xuất nhập khẩu Việt Nam, trong đó có ngành cá tra bị ảnh hưởng nặng nề.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**2.1-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH****a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020**

Đại dịch covid-19 nhanh chóng bùng phát ngay từ những ngày đầu năm 2020 tại Trung Quốc khiến Công ty phải nhanh chóng lập kế hoạch chuyển dịch các đơn hàng sang các quốc gia khác và tiếp tục quan sát các động thái chống dịch của Trung Quốc. Khi Trung Quốc thông báo dần kiểm soát được dịch và mở cửa giao thương hàng hóa trở lại thì phần còn lại của Thế giới, các quốc gia khác lần lượt thông báo tình trạng vượt kiểm soát của virus Corona và bắt đầu ban bố tình trạng phong tỏa toàn quốc để ngăn chặn dịch bệnh lây lan. Điều này khiến cho Ban lãnh đạo Công ty IDI phải họp bàn liên tục để tìm phương án tối ưu cho việc xuất khẩu hàng hóa.

Do bị ảnh hưởng từ dịch bệnh covid-19 nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 giảm mạnh so với những năm gần đây, tuy nhiên Công ty đã vận dụng linh hoạt các biện pháp vừa chống dịch an toàn, hiệu quả, vừa duy trì sản xuất kinh doanh, tăng cường tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới nên vẫn đạt được những kết quả tích cực như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/giảm	%	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,744,408,629,558	6,373,782,222,183	(1,370,626,407,375)	-17.70%	100.00%	100%	0.00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	12,525,807,185	7,025,842,715	(5,499,964,470)	-43.91%	0.16%	0.11%	0.05%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,731,882,822,373	6,366,756,379,468	(1,365,126,442,905)	-17.66%	99.84%	99.89%	0.05%
4. Giá vốn hàng bán	7,032,607,001,871	5,909,328,294,387	(1,123,278,707,484)	-15.97%	90.81%	92.71%	1.90%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	699,275,820,502	457,428,085,081	(241,847,735,421)	-34.59%	9.03%	7.18%	1.85%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	58,079,291,368	133,030,146,984	74,950,855,616	129.05%	0.75%	2.09%	1.34%
7. Chi phí tài chính	159,490,896,860	288,484,599,424	128,993,702,564	80.88%	2.06%	4.53%	2.47%
Trong đó: Chi phí lãi vay	145,418,375,749	277,028,531,813	131,610,156,064	90.50%	1.88%	4.35%	2.47%
8. Chi phí bán hàng	194,209,177,950	141,379,654,686	(52,829,523,264)	-27.20%	2.51%	2.22%	0.29%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49,373,469,992	39,659,748,947	(9,713,721,045)	-19.67%	0.64%	0.62%	0.02%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	354,281,567,068	120,934,229,008	(233,347,338,060)	-65.86%	4.57%	1.90%	2.68%
11. Thu nhập khác	9,116,788,487	8,810,188,015	(306,600,472)	-3.36%	0.12%	0.14%	0.02%
12. Chi phí khác	10,483,648,102	8,599,289,120	(1,884,358,982)	-17.97%	0.14%	0.13%	0.00%
13. Lợi nhuận khác	(1,366,859,615)	210,898,895	1,577,758,510	115.43%	-0.02%	0.00%	0.02%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	352,914,707,453	121,145,127,903	(231,769,579,550)	-65.67%	4.56%	1.90%	2.66%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,961,580,813	14,024,947,298	(12,936,633,515)	-47.98%	0.35%	0.22%	0.13%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2,565,417)	(13,144,869)	(10,579,452)	412.39%	0.00%	0.00%	0.00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	325,955,692,057	107,133,325,474	(218,822,366,583)	-67.13%	4.21%	1.68%	2.53%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1,555	421	(1,134)	-72.93%	0.00%	0.00%	0.00%

+) **Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tổng doanh thu năm 2020 đạt 6.374 tỷ đồng, giảm 1.370 tỷ đồng so với năm 2019, tương ứng với tỉ lệ giảm là 17,70%. Nguyên nhân chủ yếu là bị ảnh hưởng từ dịch covid-19, khiến tình trạng kiểm tra covid-19 trên hàng đông lạnh gây ùn ứ và ách tắc tại các cảng xuất nhập khẩu, đồng thời làm tình trạng thiếu hụt vỏ container tăng cao khiến chi phí vận chuyển cao gấp 3 lần bình thường. Chính vì vậy, mà doanh thu bán hàng của công ty bị ảnh hưởng giảm 17,70% so với cùng kỳ năm trước.

+) **Về giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp:** Tốc độ giảm của giá vốn so với năm 2019 là 15,97% gần bằng với tốc độ giảm của doanh thu, điều này cho thấy Công ty đã chốt giá, ký các hợp đồng bao tiêu, nuôi liên kết với các hộ dân từ đầu năm 2020 với giá chốt trước gần bằng bằng giá thị trường tại thời điểm thu hoạch cá nguyên liệu nên khoảng cách của tốc độ giảm doanh thu và tốc độ giảm giá vốn là rất ít chỉ khoảng 1,2%. Do giá cá thành phẩm xuất khẩu giảm và tốc độ xuất khẩu bị chậm lại do dịch covid-19 dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty giảm 34,59% so với năm 2019.

+) **Về doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính tăng 74,95 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 129,05% so với năm 2019. Kết quả này là do Công ty đã vận dụng các chính sách

về hình thức vay thấu chi, hoặc gửi tiền có kỳ hạn và vay lại với kỳ hạn vay chỉ bằng một nửa kỳ hạn tiền gửi, khiến cho khoản mục lãi tiền gửi năm 2020 tăng cao hơn so với năm 2019.

+) Về chi phí tài chính: Chi phí tài chính tăng gần 129 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ 80,88% so với năm 2019. Nguyên nhân thứ nhất là do dịch covid-19 khiến hàng hóa xuất khẩu bị đình trệ, mà các hợp đồng bao tiêu, nuôi liên kết đã đến thời hạn thu hoạch và thanh toán cho các hộ nông dân nên Công ty đã phải bổ sung thêm nhiều khoản vay các tổ chức tín dụng để thanh toán cho các hộ nuôi để tiếp tục thả giống nuôi cá vụ tiếp theo, thứ hai là do trong năm 2020 Công ty đã xây dựng kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn, nên đây là các nguyên nhân dẫn đến chi phí tài chính tăng cao hơn so với doanh thu tài chính.

+) Về chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng giảm 52,83 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 27,20% so với năm 2019. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch covid-19 nên trong năm 2020 Công ty bị ảnh hưởng xuất khẩu hàng hóa giảm tới 30% so với năm 2019 dẫn đến chi phí bán hàng cũng giảm hơn so với năm 2019.

+) Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9,71 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 19,67% so với năm 2019. Kết quả trên cho thấy các biện pháp tiết kiệm trong sản xuất, trong sử dụng năng lượng và con người được Ban lãnh đạo đưa vào áp dụng rất hiệu quả. Các chính sách vừa ổn định sản xuất-kinh doanh vừa phòng chống dịch bệnh, tăng cường tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới, chờ đợi thời cơ khi dịch bệnh được khống chế, thị trường xuất khẩu tốt trở lại, sẽ tiếp tục mở rộng quy mô phát triển.

+) Về lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 233,35 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 65,86% so với năm 2019. Nguyên nhân là do giá cá tra thành phẩm xuất khẩu năm 2020 trung bình khoảng 1,4 USD/Kg, giảm mạnh khoảng 60% so với giá cá thành phẩm xuất khẩu năm 2019 trung bình khoảng 2,3 USD/Kg, bên cạnh đó là tổng số lượng container hàng hóa xuất khẩu năm 2020 ít hơn số lượng hàng hóa xuất khẩu năm 2019 nên dẫn đến tỉ lệ giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh như trên.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tăng giảm so với năm 2019		Tăng giảm so với kế hoạch	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	7.744.408	7.144.967	6.373.782	-1.370.626	-17,70%	-771.185	-10,79%
Tổng lợi nhuận sau thuế	325.955	160.027	107.133	-218.822	-67,13%	-52.894	-33,05%

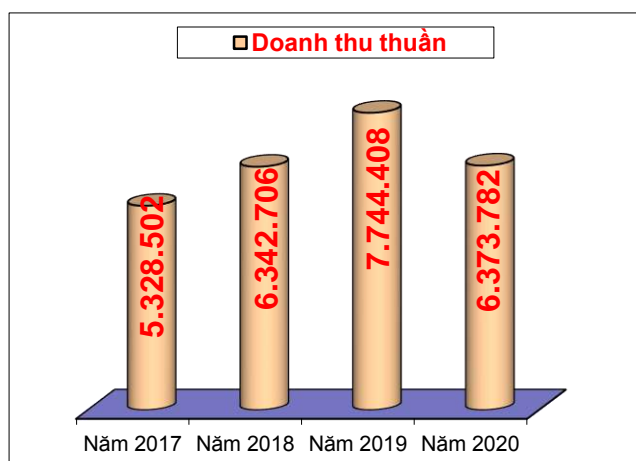
➤ So với kế hoạch năm 2020 thì doanh thu chúng ta chỉ giảm 10,79% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do dịch covid-19 xảy ra bất ngờ và vô cùng nguy hiểm. Nó ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế Thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng mà không có bất kỳ tổ chức nào có thể dự báo trước được sức tàn phá của nó. Trong khi các doanh nghiệp khác đã phải cắt giảm lao động, ngừng hoạt động do không thể cầm cự được với sức ép, dư chấn của dịch bệnh và hậu chiến tranh lạnh Mỹ-Trung thì kết quả trên cho thấy Công ty chúng ta vẫn hoạt động khá tốt và tương đối ổn định so với các công ty cùng ngành. Từ đó làm cơ sở để Hội đồng quản trị cũng như Quý cổ đông tin tưởng vào sự điều hành để phát triển trong tương lai.

➤ Lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm 218 tỷ đồng, tương ứng giảm 67,13% so với năm 2019. Nguyên nhân là do thương chiến Mỹ - Trung đến cuối năm 2019 vẫn chưa kết thúc, đồng thời bắt đầu xuất hiện đại dịch Covid-19 tại Trung Quốc và bùng phát nhanh chóng ra Thế giới ngay từ quý I năm 2020, thị trường Trung Quốc cũng như các thị trường khác trên Thế giới bắt đầu phong tỏa trong

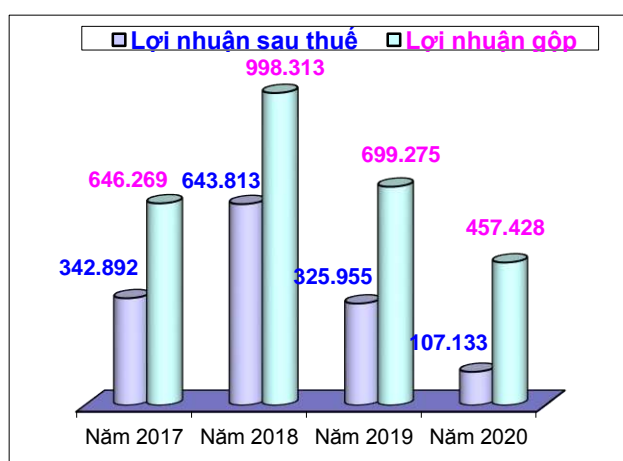
nước với các quốc gia khác. Điều này khiến việc xuất nhập khẩu hàng hóa, thực phẩm vào và ra khỏi Trung Quốc bị đình trệ và giảm xuống đáng kể. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc-Hồng Kông luôn chiếm hơn 40% thị phần xuất khẩu của Công ty IDI. Bên cạnh đó việc giá cá tra nguyên liệu giảm mạnh cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020. Đây chính là các nguyên nhân dẫn đến việc không đạt kế hoạch đề ra của năm 2020.

Tóm tắt một số chỉ tiêu kinh doanh của IDI qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	5,328,502	6,342,706	7,744,408	6,373,782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	362,059	721,847	354,281	120,934
Lợi nhuận trước thuế	361,333	717,894	352,914	121,145
Lợi nhuận sau thuế	342,892	643,813	325,955	107,133
Lợi nhuận gộp	646,269	998,313	699,275	457,428



Tăng trưởng doanh thu (Đvt: triệu đồng)



Tăng trưởng lợi nhuận (Đvt: triệu đồng)

c) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Cơ cấu doanh thu trong năm:

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	3,578,415,868,862	46.21%	2,792,878,354,040	43.82%
2	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2,435,266,891,226	31.45%	2,096,301,957,816	32.89%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1,560,610,001,600	20.15%	1,361,211,488,411	21.36%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	86,516,015,290	1.12%	97,595,237,008	1.53%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	83,599,852,580	1.08%	25,723,375,818	0.40%
6	Doanh thu khác	0	0.00%	71,809,090	0.00%
Tổng Cộng		7,744,408,629,558	100%	6,373,782,222,183	100%

+ Trong cơ cấu doanh thu, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm gần 98,07% trong năm 2020.

+ Doanh thu lĩnh vực thủy sản năm 2020 giảm gần 1.324 tỷ đồng, tương đương giảm 17.48% so với năm 2019. Mức giảm này vẫn chấp nhận được trước sự đại dịch Covid-19 làm suy giảm nền kinh tế toàn cầu nghiêm trọng. Qua đây cho thấy tiềm năng phát triển ổn định và tương đối lớn của Công ty IDI khi đại dịch theo dự báo sẽ được kiểm soát vào quý II năm 2021.

+ Còn cơ cấu doanh thu về dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp và tăng trưởng không đáng kể. Theo cơ cấu ngành của Công ty IDI và của cả Tập đoàn Sao Mai thì IDI chỉ tập trung cho việc hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản khép kín chứ không còn tập trung vào các mảng khác.

- Cơ cấu chi phí trong năm:

CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2019		NĂM 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	3,045,927,944,158	43.31%	2,484,836,135,367	42.05%
2	Giá vốn Bột Cá, mỡ cá	2,324,271,125,110	33.05%	2,017,332,558,466	34.14%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1,530,430,558,000	21.76%	1,277,072,905,128	21.61%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61,756,707,032	0.88%	72,411,119,905	1.23%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	68,678,238,000	0.98%	25,409,338,545	0.43%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12,535,220,999	0.18%	47,749,427,886	0.81%
7	Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-10,992,791,428	-0.16%	-15,555,000,000	-0.26%
8	Giá vốn khác	0	0.00%	71,809,090	0.00%
Tổng Cộng		7,032,607,001,871	100%	5,909,328,294,387	100%

+ Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 97,80% trong năm 2020, giảm 1.121 tỷ đồng so với năm 2019. Nguyên nhân là việc giá cá nguyên liệu ngoài thị trường giảm sâu, nhiều Doanh nghiệp dừng thu mua cá tra nguyên liệu do xuất khẩu khó khăn, Trong khi đó việc nuôi liên kết chốt giá ban đầu với các hộ nông dân ngay từ cuối năm 2019 và đầu năm 2020 khiến Công ty cũng gặp khó khăn trong việc giá vốn tăng lên, tuy nhiên Công ty vẫn ưu tiên thu mua cá của các hộ nông dân nuôi liên kết trước tiên, nên các hộ nuôi liên kết với Công ty vô cùng yên tâm và có cái nhìn gần gũi với Công ty, từ đó tạo niềm tin tuyệt đối trong việc “đồng cam cộng khổ”, gắn bó với Công ty trong tương lai.

2.2-TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

a) Danh sách ban điều hành



Ông Lê Văn Chung – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- CMND số: 351393479 cấp ngày 09/06/2010 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1964
- Địa chỉ thường trú : Số 72. Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Văn Chung sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994. Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997.
- Năm 2003, ông Chung tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty IDI.
- Từ 2008 đến 22/10/2013, ông Chung giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Cty IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 148.787 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ.



Ông Phạm Đình Nam – Phó Tổng Giám Đốc

- CMND số: 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/02/1969
- Địa chỉ thường trú: 19/04 .Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quý –TP.Long xuyên – An Giang.

- Ông Phạm Đình Nam sinh tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông Nam tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng tại Trường Xây dựng Miền Tây, quá trình công tác như sau:
- Từ 1991-1993 : Đội trưởng đội xây dựng số 6 thuộc XNXD Tây Sông Hậu
- Từ 1994-1997 : Đội XD thuộc xí nghiệp XD Tây Sông Hậu
- Từ 1998-2005 : Giám đốc XN Phương Nam thuộc công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Từ 2006- 2009 : Giám đốc ban quản lý dự án Sao Mai Bến Tre
- Từ 2009- 2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản
- Từ 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 240.458 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.



Bà Võ Thị Minh Tâm – Phó Tổng Giám Đốc

- CMND số: 024 725 058 cấp ngày 01/11/2007 tại CA TP.HCM
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/07/1966
- Địa chỉ thường trú: 49 Trương Phước Phan, Bình Trị Đông, Bình Tân, TP.HCM

- Bà Võ Thị Minh Tâm sinh ở Long Xuyên, An Giang. Tốt nghiệp đại học kinh tế năm 1991
- Từ năm 1992 – 1998: Quản lý sản xuất Cty Hóa Mỹ Phẩm Pháp Mỹ
- Từ năm 1999 – 2000: Học tiếng Trung ở Bắc Kinh – Trung Quốc
- Từ năm 2001 – 2010: Làm ở **Cty Transimex** Sài Gòn
- Từ năm 2011 – 2016: Chánh văn phòng Cty IDI
- Từ tháng 02/2016 đến nay làm Phó tổng giám đốc Cty IDI, thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng giám đốc

- CMND số: 352272634 cấp ngày 11/08/2010 tại CA tỉnh An Giang.
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/09/1975
- Địa chỉ thường trú: 46 Lê Hoàn, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Văn Cảnh sinh tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông tốt nghiệp kỹ sư xây dựng ngành xây dựng.
- Từ 2000 – 2005: Đội trưởng đội xây dựng số 9 thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.
- Từ 2005 – 2006: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.
- Từ 2006 – 2010: Phó giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng Cụm Công nghiệp Vàm Cống.
- Từ 2010 đến nay: Làm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 11.069 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ



Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Tổng Giám Đốc.

- CMND số: 352349644 cấp ngày 12/10/2011 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/09/1988
- Địa chỉ thường trú: 72 Trần Nhật Duật, Phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Nguyễn Thanh Hải sinh ở xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh trường California State University, Long Beach năm 2011.
- Từ năm 2011-2012: Nhân Viên Kinh Doanh, Trợ lý Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Từ năm 2012-2015: Trợ lý Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Từ 2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Trợ lý Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



Ông Trương Công Khánh – Giám đốc tài chính

- CMND số : 341365203 cấp ngày 23/08/2008 tại CA Đồng Tháp.
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 13/03/1987
- Địa chỉ thường trú: 175 Ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

- Ông Trương Công Khánh sinh tại An Lạc, Định An, Lấp Vò, Đồng Tháp.
- Năm 2009 tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành kế toán kiểm toán.
- Tháng 08 năm 2009 làm việc tại Ban kiểm toán nội bộ Công Ty CP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành.
- Tháng 11/2011 Làm Kế toán Trưởng Công Ty CP Đầu Tư Địa Ốc & Khoáng Sản Châu Á.
- Tháng 10/2013 Làm GĐTC Công Ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.
- Tháng 05/2015 Ông được bầu làm TV.HĐQT Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.
- Tháng 06/2015 Ông được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai.
- Từ tháng 08/2017 đến nay, Ông giữ chức vụ giám đốc tài chính Tập Đoàn Sao Mai kiêm giám đốc tài chính IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.



Ông Nguyễn Đức Phương – Kế toán trưởng.

- CMND số: 352 267 205 cấp ngày 14/01/2020 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh : 28/03/1994
- Địa chỉ thường trú: Ấp An Lương, Xã Hòa Bình, Huyện Chợ Mới, An Giang

- Ông Nguyễn Đức Phương sinh tại Xã Hòa Bình, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang
- Năm 2016 Ông Nguyễn Đức Phương tốt nghiệp cử nhân kế toán.
- Năm 2017 Ông làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI.
- Năm 2018 Ông Nguyễn Đức Phương giữ chức vụ kế toán tổng hợp tại Công ty CP Dầu Cá Châu Á.
- Từ tháng 09/2020 đến nay, Ông Nguyễn Đức Phương được điều động và bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.

b) Những thay đổi trong ban điều hành năm 2020

- Miền nhiệm chức vụ Kế toán trưởng với ông Lê Xuân Định kể từ ngày 01/09/2020 theo nguyện vọng của ông Lê Xuân Định vì lý do gia đình.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Phương giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I kể từ ngày 01/09/2020

c) Nguồn nhân lực

Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân công ty IDI cuối năm 2020 là 3.696 người, trong đó số lượng cán bộ, nhân viên là 470 người, còn lại là lực lượng lao động trong các nhà máy, phân xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Năm 2020, công ty tuyển dụng được hơn 500 công nhân mới, trong đó đào tạo được 400 công nhân nhờ liên kết với các Trung tâm đào tạo dạy nghề trong tỉnh. Đây là lực lượng lao động tương đối ổn định cho việc duy trì sản xuất.

2.3- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2020

- Đầu tư xây dựng kho lạnh số 04 với sức chứa là 10.000 tấn tại Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với mức đầu tư đã chi ra là hơn 154 tỷ đồng và đã đưa vào hoạt động từ quý IV năm 2020.
- Công ty có đầu tư dự án Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với tổng mức đầu tư dự án là 2.000 tỷ đồng (trong đó có 600 tỷ đồng là vốn tự có, còn 1.400 tỷ đồng là vốn vay các tổ chức tín dụng). Hiện tại, Công ty đã chi ra 402 tỷ đồng thực hiện giải phóng mặt bằng với diện tích gần 130ha.

Dự kiến trong năm 2021 công ty sẽ tiến hành thực hiện bổ sung đầy đủ thủ tục pháp lý và sẽ khởi công vào đầu năm 2022, cuối năm 2022 sẽ mở bán.

b) Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết**Công ty Mẹ****➤ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM)**

- Vốn điều lệ : 2.588.678.490.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

(ĐVT: đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	15.596.311.695.193	17.604.595.008.403	2.008.283.313.210	12,88%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.223.773.341.105	12.524.613.811.857	-1.699.159.529.248	-11,95%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	806.237.857.928	621.831.402.633	-184.406.455.295	-22,87%
4	Lợi nhuận khác	65.501.609.502	2.474.040.256	-63.027.569.246	-96,22%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	871.739.467.430	624.305.442.889	-247.434.024.541	-28,38%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	823.347.506.552	572.357.267.708	-250.990.238.844	-30,48%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.509	1.837	-672	-26,78%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2020)

Công ty con**➤ Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Tài Chính-ASTAR:**

+ Vốn điều lệ : 52.168.970.000 đồng.

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

(ĐVT: đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	58,642,731,182	60,369,188,699	1,726,457,517	2.94%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23,546,880,318	41,169,652,273	17,622,771,955	74.84%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,336,283,440	907,460,110	-1,428,823,330	-61.16%
4	Lợi nhuận khác	-264,864,011	-4,959,088	259,904,923	-98.13%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,071,419,429	425,270,633	-1,646,148,796	-79.47%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,744,201,157	337,765,198	-1,406,435,959	-80.63%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	333.34	64.74	-269	-80.58%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2020)

➤ **Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco (DAT):**

+ Vốn điều lệ : 460.054.130.000 đồng.

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
- Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

(ĐVT: đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1,575,350,893,524	1,639,166,114,985	63,815,221,461	4.05%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,493,268,372,846	2,159,885,103,816	-333,383,269,030	-13.37%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	69,356,840,600	58,023,232,077	-11,333,608,523	-16.34%
4	Lợi nhuận khác	-144,994,395	-349,281,365	-204,286,970	140.89%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69,211,846,205	57,673,950,712	-11,537,895,493	-16.67%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	62,271,882,843	51,920,618,521	-10,351,264,322	-16.62%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,392	1,129	-263	-18.89%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2020)

2.4- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**a) Tình hình tài chính năm 2020**

Stt	Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	7,493,567,691,468	7,713,635,990,930	220,068,299,462	2.94%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,731,882,822,373	6,366,756,379,468	-1,365,126,442,905	-17.66%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	354,281,567,068	120,934,229,080	-233,347,337,988	-65.86%
4	Lợi nhuận khác	-1,366,859,615	210,898,895	1,577,758,510	-115.43%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	352,914,707,453	121,145,127,903	-231,769,579,550	-65.67%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	325,955,692,057	107,133,325,474	-218,822,366,583	-67.13%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,535	421	-1,114	-72.57%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.21	1.27
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)		
Nợ ngắn hạn	0.86	0.92
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.55	0.55
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.42	1.42
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4.98	3.92
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.03	0.83
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.04	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.11	0.04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.04	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.05	0.02

2.5- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Cổ phần**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 227.644.608 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông được chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông**- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty IDI theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tính đến ngày 19/03/2021 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh gửi Công ty:

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN

1	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	116.612.431	51,23%
	Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Thuần				
2	Lê Thanh Thuần	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	12.535.000	5,51%
Tổng cộng:				129.147.431	56,74%

- Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	227.644.608	100%
+ Cổ đông lớn	129.147.431	56,73%
+ Cổ đông nhỏ	98.497.177	43,27%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	227.644.608	100%
+ Cổ đông tổ chức	118.224.301	51,93%
+ Cổ đông cá nhân	109.420.307	48,07%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:	227.644.608	100,00%
+ Cổ đông trong nước	226.391.049	99,45%
+ Cổ đông nước ngoài	1.253.559	0,55%
Cổ đông Nhà nước, cổ đông đặc biệt và cổ đông khác:	227.644.608	100%
+ Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
+ Cổ đông đặc biệt (HDQT, Ban Giám đốc, BKS....)	12.935.314	5,68%
+ Cổ đông khác	214.709.294	94,32%

Nguồn: Theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 19/03/2021

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

- **Đăng ký lần đầu:** Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.
- **Thay đổi lần 1:** Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- **Thay đổi lần 2:** Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.
- **Thay đổi lần 3:** Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng từ 855.000.000.000 đồng lên 983.250.000.000 đồng, tăng thêm 128.250.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 12.8250.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng từ 983.250.000.000 đồng lên 1.816.096.710.000 đồng, tăng thêm 832.846.710.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 83.284.671 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 9:** Tăng từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 27/04/2018.
- **Tăng vốn lần 10:** Tăng từ 1.979.534.200.000 đồng lên 2.276.446.080.000 đồng, tăng thêm 296.911.880.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 29.691.188 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2019 ngày 25/04/2019.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

2.6- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

2.6.1 Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính: Không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

2.6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 2020 của Công ty IDI là 77.710 tấn cá nguyên liệu.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của công ty: Không có



2.6.3 Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty trong năm 2020 là: 45.133.170 KW điện lưới quốc gia và không có sử dụng nguồn năng lượng gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty có hệ thống điện năng lượng mặt trời với công suất 1,06 MWH thì mỗi năm Công ty bán ra điện lưới quốc gia khoảng 4.000.000 KW điện năng lượng.

c) Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong sản xuất của bộ phận nhà máy:

- Quản lý vận hành thiết bị điện năng tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí.
- Thay thế các thiết bị tiết kiệm điện năng như bóng đèn LED, gắn pin năng lượng mặt trời hấp thụ nhiệt năng ban ngày để chiếu sáng các bóng đèn bên trong và ngoài Công ty về ban đêm.
- Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái trên mái nhà máy số 01 với công suất 1,06MWH.

2.6.4 Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước được lấy từ nguồn giếng nước ngầm ở độ sâu 50m so với mặt đất và được đưa vào hệ thống lọc nước sạch trước khi đưa vào sử dụng.

Mỗi năm, Công ty sử dụng khoảng 1.136.610 m³/năm

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Công ty không tái chế lượng nước đã sử dụng để đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

2.6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

2.6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

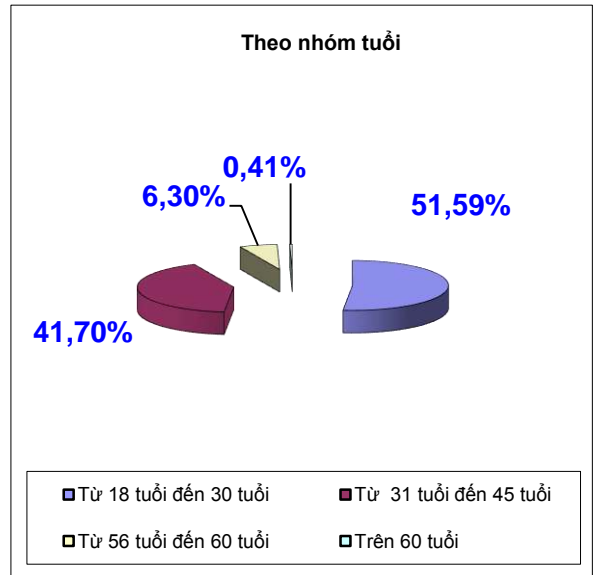
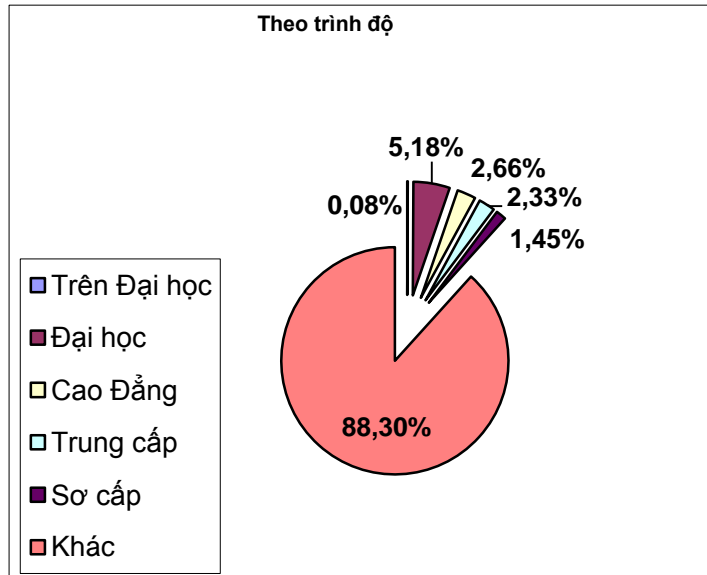
a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân công ty IDI năm 2020 là 3.696 người.

BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG

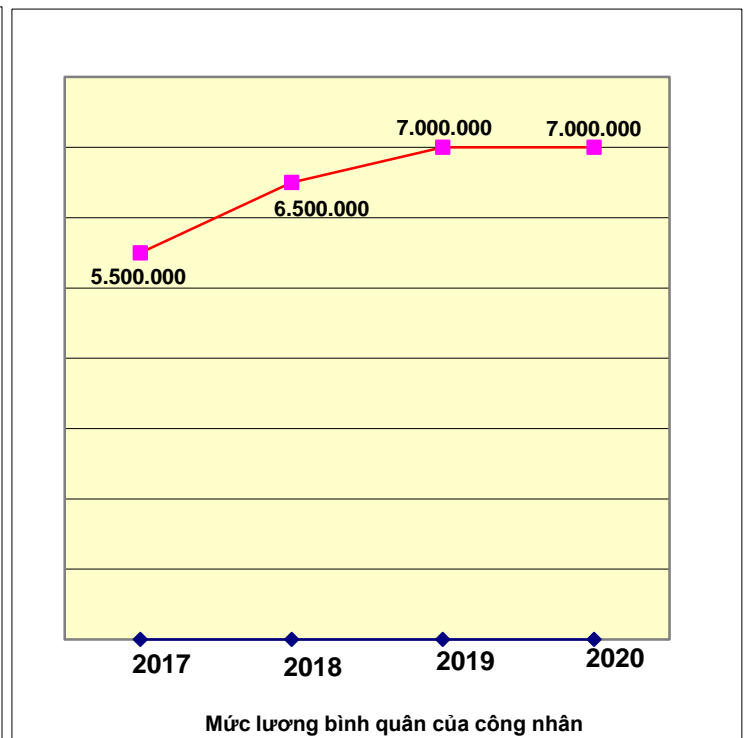
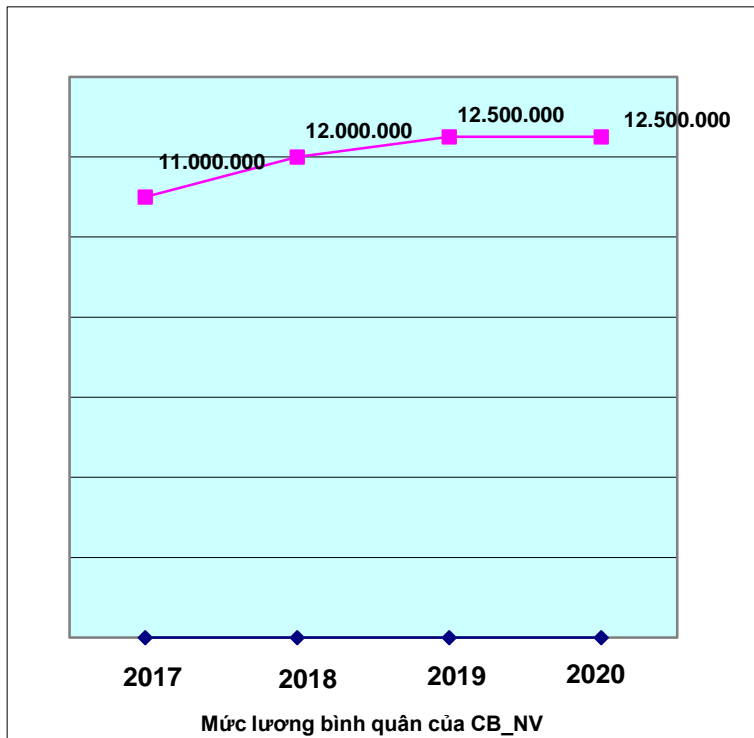
ĐVT: Người

A	Theo trình độ	3.696	100,00%
1	Trên Đại học	1	0,03%
2	Đại học	192	5,19%
3	Cao Đẳng	102	2,76%
4	Trung cấp	86	2,32%
5	Sơ cấp	11	0,30%
6	Khác	3.304	89,40%
B	Theo nhóm tuổi	3.696	100,00%
1	Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	1.725	46,67%
2	Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	1.596	43,18%
3	Từ 56 tuổi đến 60 tuổi	366	9,90%
4	Trên 60 tuổi	9	0,25%



Mức lương bình quân

Năm	Mức lương bình quân của CB_CNV	Mức lương bình quân của công nhân
2017	11.000.000	5.500.000
2018	12.000.000	6.500.000
2019	12.500.000	7.000.000
2020	12.000.000	6.500.000



Biểu đồ thể hiện mức lương của CB_CNV qua các năm gần đây

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- **Lương, thưởng và bảo hiểm, phúc lợi:** luôn duy trì mức lương cho cán bộ, nhân viên cao hơn so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường. Nhằm thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương đặc biệt cạnh tranh đối với các nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ, nhân viên, mặt khác thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau và làm việc cho Công ty. Đồng thời thực hiện thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, Tết dương lịch, Tết âm lịch... Mỗi tháng công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định đề ra.

- CBCNV làm việc tại Công ty IDI đều được hưởng tháng lương thứ 13, được ghi nhận những thành tích đóng góp trong năm và có những phần thưởng xứng đáng.

- Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Công ty hỗ trợ suất ăn trưa, ăn chiều mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

- Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn của Công nhân viên của công ty luôn đa dạng, được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả. Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ chi phí qua phà, đò, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của Công ty để mọi người an tâm làm việc.

- Các chính sách phúc lợi khác của Công ty

Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể, tổ chức cho cán bộ, công nhân viên cùng gia đình đi thăm quan, nghỉ mát... qua đó CBCNV cũng sẽ có cơ hội hiểu nhau hơn và phát huy được tinh thần làm việc nhóm hiệu quả hơn;

Thành lập Quỹ hỗ trợ cán bộ, nhân viên gặp khó khăn với mục đích trợ cấp, hỗ trợ (một lần hoặc lâu dài) cho những cán bộ, nhân viên và người thân trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như ngày sinh nhật, kết hôn, hay vào các dịp lễ: quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam, Tết trung thu, Tết nguyên đán...;

Tổ chức các khóa đào tạo về chuyên môn nhằm hoàn thiện các kỹ năng, khiến thức đáp ứng được yêu cầu và thách thức trong công việc, có cơ hội tham gia các buổi huấn luyện thực tế được tổ chức thường xuyên để mọi người có thể trải nghiệm và học hỏi.

Khen thưởng

Cán bộ, công nhân viên có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

Tất cả những chính sách đãi ngộ phúc lợi được xây dựng hướng tới mục tiêu tạo động lực và thúc đẩy cán bộ nhân viên làm việc hết mình để khẳng định bản thân và phát triển sự nghiệp.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, lao động trẻ có tay nghề cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

2.6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.



- Công ty quảng bá thương hiệu trên báo, đài trung ương và địa phương như VTV1, VTV3, HTV7, HTV9, TH Cần Thơ, TH Vĩnh Long, TH An Giang, . . . TC Thủy sản, TC Chứng khoán, báo Đầu tư tài chính, báo An Giang . . . Tạo ấn tượng đẹp về Sao Mai - IDI đến với mọi người.

- Công ty tuân thủ các qui định của pháp luật. Tạo mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng và các đối tác. . . Giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu IDI.

2.6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Do đặc thù về lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là về lĩnh vực nuôi trồng, chế biến bảo quản và xuất khẩu thủy sản nên hiện tại Công ty chưa tiếp cận đến nguồn vốn thị trường xanh.

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**3.1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh****a) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**

Do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2020 chỉ đạt 1,49 tỷ USD, giảm 25.5% so với năm 2019. Tất cả các thị trường chủ lực đều giảm mạnh: Trung Quốc- Hong Kong giảm 22.3%, Mỹ giảm 14.4%, EU giảm 31.1%, ASEAN giảm 31.3%. Cuối năm 2020, Trung Quốc, thị trường lớn nhất của cá tra Việt Nam, bắt đầu kiểm soát nghiêm ngặt các mặt hàng thực phẩm đông lạnh nhập khẩu trong nỗ lực phòng tránh dịch bệnh, đã gây ách tắc hàng loạt tại các cảng, làm ngưng trệ hoạt động xuất khẩu cá tra. Thêm vào đó, tình trạng thiếu container và cước tàu tăng mạnh từ quý 4/2020 cũng ảnh hưởng tiêu cực tới ngành thủy sản nói chung và cá tra nói riêng.

Tình hình xuất khẩu của IDI nói riêng và ngành cá tra Việt Nam nói chung trong năm 2021 sẽ phụ thuộc rất lớn vào tốc độ các thị trường hồi phục từ dịch COVID-19. Với tỷ lệ tiêm vắc xin ở các quốc gia nhập khẩu cá tra chủ lực dần tăng lên, xuất khẩu cá tra sẽ dần trở lại mức trước dịch bệnh. Với lợi thế thị trường xuất khẩu đa dạng, rộng khắp các châu lục, dự kiến doanh số xuất khẩu của IDI sẽ tăng trưởng trở lại từ quý 3/2021.

Tổng số lượng hàng xuất bán (Tấn)	Tỷ lệ các sản phẩm bán ra trên khối lượng (gross)	Tổng doanh thu Xuất khẩu (USD)	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch 2020 Về doanh thu
54.396	* Fillets: 85 % * Sản phẩm khác từ cá tra: 15%	90.051.692	64,28%

Trước các thông tin về hàng loạt các doanh nghiệp cắt giảm lao động, giảm hoạt động sản xuất hoặc ngừng hoạt động do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, thì Công ty IDI vẫn duy trì được hoạt động sản xuất, mặc dù cũng bị tác động tiêu cực không nhỏ vì dịch bệnh, Công ty vẫn bán được hàng hóa và vẫn có lợi nhuận, dù không đạt được như kế hoạch đầu năm 2020 đề ra như những năm gần đây nhưng đó là một tín hiệu vô cùng đáng mừng để tập thể CB-CNV cũng như tất cả các cổ đông Công ty có niềm tin vào khả năng lãnh đạo tuyệt vời của ban HĐQT cũng như Ban tổng giám đốc Công ty đã đưa ra những phương án tối ưu và hợp lý nhất để vừa có thể phòng chống dịch bệnh an toàn mà vẫn duy trì được hoạt động sản xuất, giúp ổn định đời sống cho gần 4.000 CB-CNV và còn vượt qua nhiều khó khăn khác tưởng chừng như không thể vượt qua được.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được:**b-1) Nguyên vật liệu:**

- Cá tra là nguồn nguyên liệu dễ nuôi, có thể nuôi bè, nuôi ao, nuôi trong quảng đăng, nuôi hồ và nuôi ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết vùng sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm.

- Cá tra đã có mặt trên khắp thế giới là sự lựa chọn số một của giới bình dân tới trung lưu và cả giới thượng lưu. Nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn có bao nhiêu cũng bán hết. Vì các nước khác ở thượng lưu sông Mêkong cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít không hiệu quả, không có ý nghĩa thị trường.

- Giá cá tra phù hợp với mọi thành phần dân cư. Trong khi tại các nước phát triển phí môi trường, giá nhân công cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam.



b-2) Trình độ công nghệ.

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

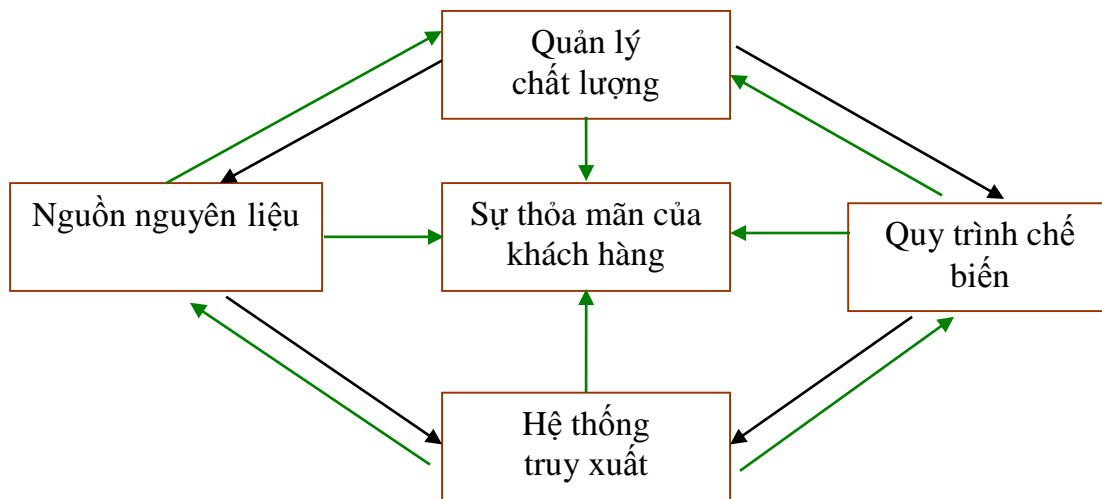
- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân

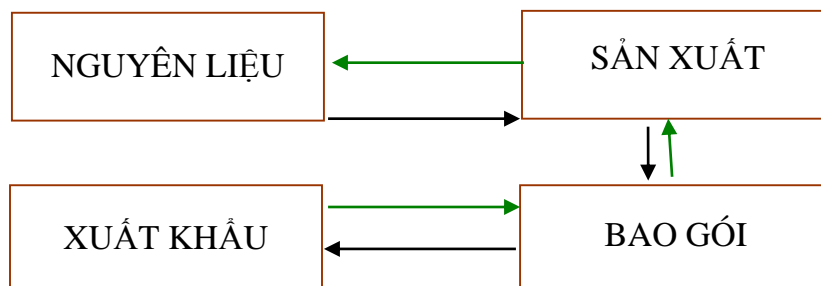
có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.



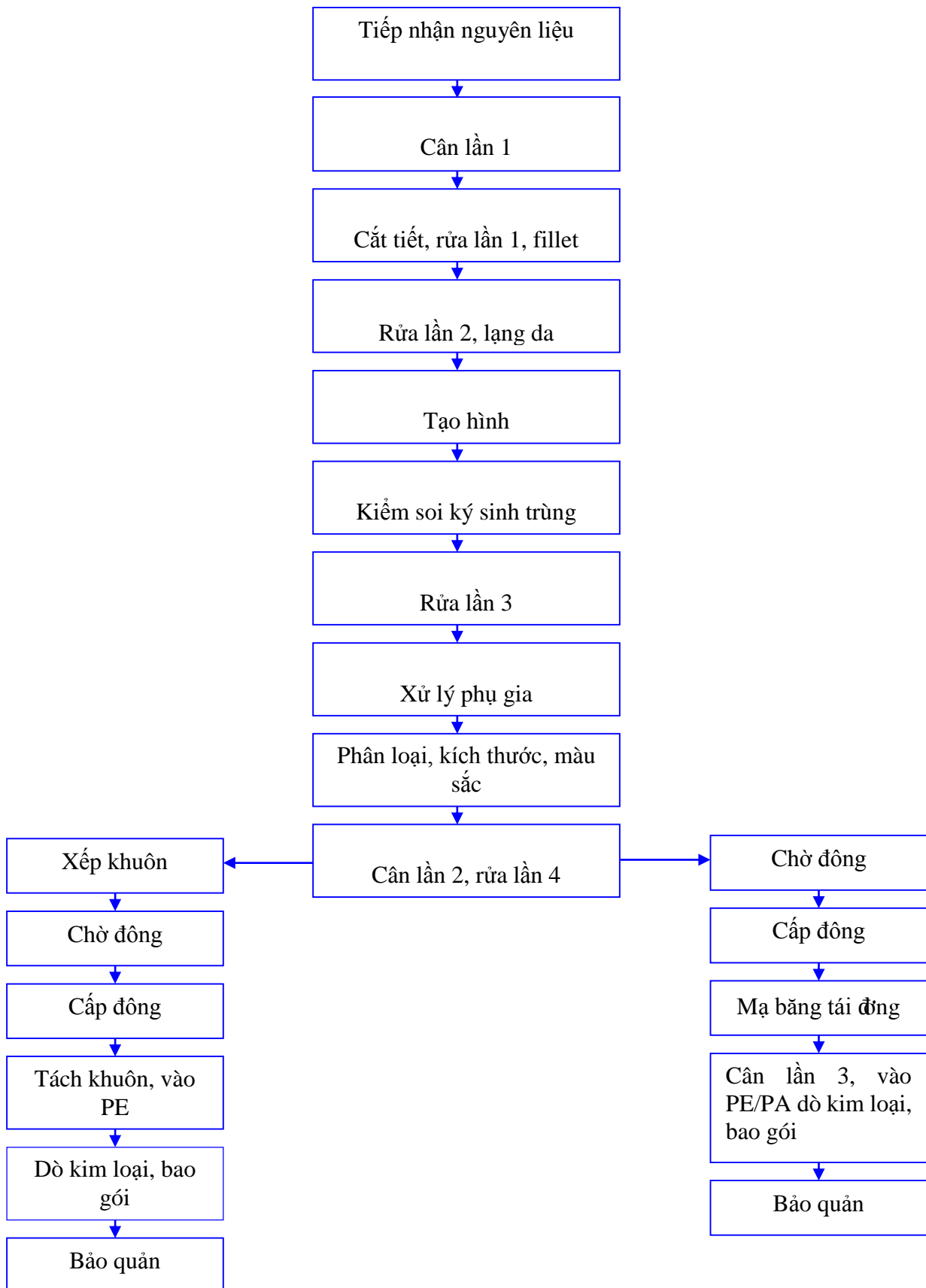
QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁ TRA XUẤT KHẨU



QUY TRÌNH HỆ THỐNG TRUY XUẤT



QUY TRÌNH CHẾ BIẾN CÁ TRA FILLET



b-3) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2011, ASC, HACCP, HALAL, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

b-4) Hoạt động Marketing

- Công ty tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.

- Công ty hằng năm tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ, Hội chợ Thanh Đảo, Phúc Châu, Quảng Châu, Thượng Hải ở Trung Quốc.... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới.

- Công ty quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP.

- Công ty mời khách hàng đến thăm nhà máy để tạo niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Định kỳ gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Công ty tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng.

- Thị trường mới, công ty sử dụng những kênh phân phối có sẵn, duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới.

- Thông qua việc nuôi liên kết với nông dân nhằm giới thiệu sản phẩm thức ăn thủy sản của Tập Đoàn đến với nông dân, tổ chức công tác đánh giá hiệu quả của việc sử dụng thức ăn thủy sản của Tập Đoàn. Từ đó xây dựng lòng tin cho những người nuôi cũng chính là khách hàng của Công ty bằng hiệu quả mà nông dân thu được. Tổ chức các hội thảo, hội nghị về thức ăn thủy sản, thông qua quảng cáo trên báo đài và các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá sản phẩm đến với người nuôi.





b-5) Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới.

- Công ty sản xuất cá tra fillet xuất khẩu và phụ phẩm sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá . . . Làm tăng giá trị sản phẩm khi cung cấp ra thị trường.

- Nhà máy tinh luyện dầu cá sẽ đưa sản phẩm mới ra thị trường, nhằm nâng giá trị mỡ thô từ cá tra. Mỡ cá qua tinh luyện sẽ ngăn chặn và điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Tầm quan trọng của Omega-3, 6, 9 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của dầu cá được tinh luyện đó là giá trị thực phẩm cho sức khỏe con người. Chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng quan trọng hơn.

- Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản sẽ sử dụng triệt để bột cá do Trisedco sản xuất, nhằm cung cấp lượng thức ăn cho nuôi trồng thủy sản (cá có vảy), tạo một dây chuyền khép kín trong chuỗi sản xuất kinh doanh.

- Công ty đang xúc tiến trong việc đầu tư trung tâm giống hiện đại với khả năng ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ Gen vào việc sản xuất giống. Khắc phục những hạn chế mà hiện tại giống cá tra đang bị đẻ sản xuất ra giống có chất lượng cao, có sức khỏe tốt ... nhằm tăng hiệu quả cho công tác nuôi trồng góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh hơn nữa trong thời gian tới.

- Công ty cũng đang nghiên cứu triển khai dự án nhà máy bao bì thủy sản nhằm sản xuất ra các loại bao bì để cung cấp cho chuỗi thủy sản của chúng ta và một số bao bì khác có thể cung cấp ra thị trường với chất lượng tốt. Dự kiến dự án này cũng mang tính đột phá về ứng dụng công nghệ mới nhằm sản xuất sản phẩm chất lượng tăng tính cạnh tranh giữa các Công ty cùng ngành.



3.2- Tình hình tài chính**a) Phân tích tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng tài sản	5,736,895	6,617,645	7,493,567	7,713,636
Doanh thu thuần	5,327,499	6,341,214	7,731,883	6,366,756
Lợi nhuận trước thuế	361,333	717,893	352,914	121,145

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Hiệu quả sử dụng tài sản				
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</i>	92.86%	95.82%	103.18%	82.54%
Tỉ suất sinh lời sản phẩm				
<i>Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản</i>	6.30%	10.85%	4.71%	1.57%

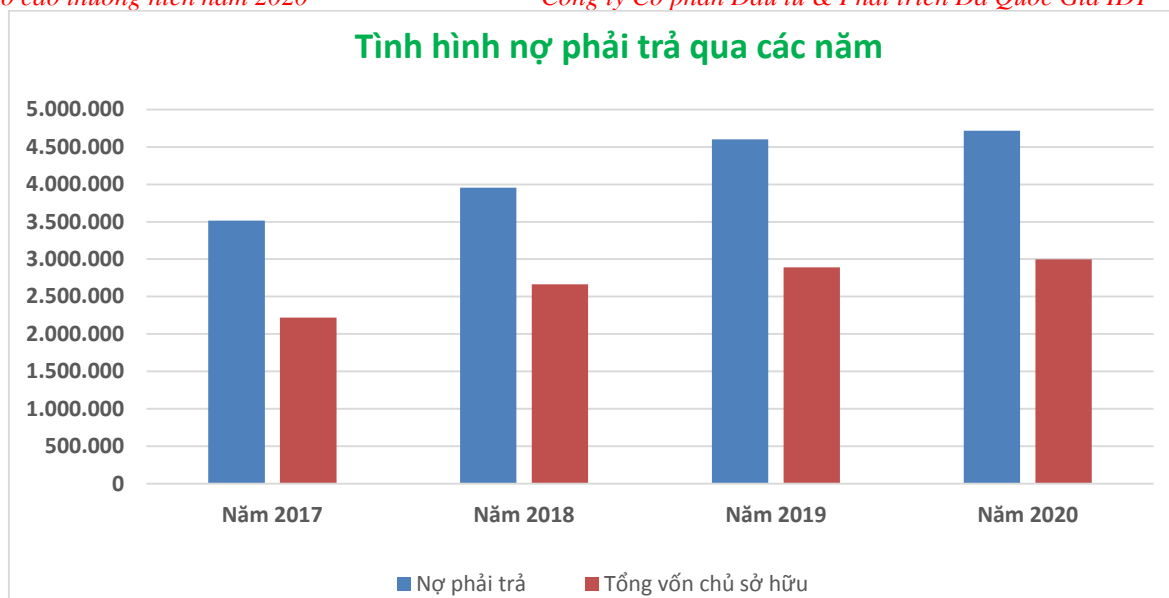
Từ bảng tình hình tài sản của Công ty IDI qua các năm ta thấy hiệu quả sử dụng 1 đồng tài sản của Công ty qua các năm luôn đạt trên 90% doanh thu thuần. Điển hình như trong năm 2019, trước những bất ổn mà chiến tranh thương mại Mỹ-Trung gây ra cho nền kinh tế toàn cầu thì hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty ở mức trên 103% cho thấy Công ty quản lý và sử dụng tài sản rất hiệu quả.

Bước sang năm 2020, đối diện với đại dịch Covid-19 gây tê liệt cả nền kinh tế Thế giới thì Công ty vẫn quản lý và sử dụng 1 đồng tài sản ở mức hiệu quả cao trên 82%, đồng thời sinh lời ở mức 1,57% so với lợi nhuận trước thuế.

Trong năm 2020, Công ty vẫn còn khoản nợ phải thu khó đòi trị giá hơn 57,79 tỷ đồng. Đây là những đơn hàng xuất khẩu trong những năm đầu tiên thành lập Công ty, được xuất đến các khu vực Trung Đông, nhưng do bất ổn chính trị nên tình hình xã hội ở khu vực này luôn xảy ra bạo động, chiến tranh và thay đổi chính quyền kiểm soát liên tục, dẫn đến việc khách hàng của Công ty mất khả năng thanh toán cho những đơn hàng trên. Tuy nhiên Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông và được thông qua về việc trích lập quỹ dự phòng khoản phải thu khó đòi này, nên tính đến hiện tại thì khoản nợ phải thu khó đòi này không có gì đáng lo ngại.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Nợ phải trả	3,515,948	3,953,237	4,602,181	4,714,952
Tổng vốn chủ sở hữu	2,220,947	2,664,407	2,891,386	2,998,684
Tổng cộng nguồn vốn	5,736,895	6,617,644	7,493,567	7,713,636



Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
NỢ PHẢI TRẢ	4.602.181.083.435	4.714.951.818.602
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.891.386.608.033	2.998.684.172.328
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7.493.567.691.468	7.713.635.990.930

Công ty luôn cân đối hợp và duy trì hợp lý tỉ lệ nợ phải trả là 60% so với tổng cộng nguồn vốn. Trong năm 2020, khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được Công ty thanh toán đến thời điểm còn dưới 12 tháng nên được đưa về khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, khiến khoản mục này tăng hơn 368 tỷ so với năm 2019, bên cạnh đó khoản mục phải trả người bán ngắn hạn giảm hơn 220 tỷ so với năm 2019.

Công ty luôn cam kết và thực hiện thanh toán đúng thời hạn ký kết trên hợp đồng kinh tế giữa các bên có liên quan nên không có tình trạng nợ phải trả quá hạn.

3.3- Kế hoạch phát triển trong tương lai

a- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020

Trong năm 2020 nhà máy chế biến sản xuất 77.710 tấn cá nguyên liệu (giảm 33% so với năm 2019), với cơ cấu cá được cung cấp cho nhà máy như sau: Cá Công ty nuôi liên kết là 66.043 tấn chiếm tỷ lệ 85% tổng sản lượng cá đưa vào sản xuất trong năm. Công ty thực hiện mua ngoài tổng lượng cá là 11.667 tấn chiếm tỷ lệ 15%. Giá bình quân trong năm 2020 của Công ty là 22.123 đồng/kg trong khi giá mua cá ngoài trung bình năm 2020 là 18.300 đồng/kg.

a-1) Tình hình thu mua nguyên liệu:

Năm 2020 là năm mà giá cá tra theo thị trường giảm tới gần chạm đáy trong lịch sử nuôi trồng cá tra Việt Nam. Trong Quý I,II, III giá cá dao động từ 17.000 -> 19.000 đồng/kg (có thời điểm giá cá về 13.804 đồng/kg trong tháng 07/2020), trong Quý IV thì giá cá có chuyển hướng tích cực trở lại và tăng từ 21.100 – 22.900 đồng/kg. Việc giá cá giảm mạnh khiến thị trường rơi vào khủng hoảng Cung vượt Cầu khiến nhiều hộ dân tự nuôi cá không tìm được đầu ra. Điều này cho thấy năm 2020 là một năm đầy khó khăn với các hộ dân tự nuôi cá Tra. Còn đối với những hộ dân nuôi liên kết với Công ty thì giá nuôi liên kết trung bình trong năm 2020 của Công ty là 22.123 đồng/kg nên tỉ lệ lời

trên vốn của các hộ nuôi liên kết vẫn có và rất ổn định và thậm chí là có lãi lớn khi hợp tác với Công ty. Công ty IDI đã, đang và ngày càng tạo được lòng tin cho các hộ dân từ khâu tư vấn về giá, đến các cam kết mua và việc thanh toán cũng đúng hạn. Chính vì thế, đối với lượng cá phải mua cho nhu cầu của nhà máy thì Công ty IDI hoàn toàn có thể chủ động và có thể chốt giá với người nuôi tốt nhất.

a-2) Tình hình nuôi cá đầu tư liên kết:

Năm 2020, sản lượng cá Công ty đầu tư nuôi liên kết với cá hộ nông dân là: 66.043 tấn cá với giá thành bình quân là 22.123 đồng/kg (giảm 4.751 đồng/kg so với năm 2019). Hình thức này đã giúp các hộ nông dân đang gặp khó khăn về tài chính và không thể dự báo giá cá được trong tương lai, yên tâm nuôi cá. Các hộ nông dân lựa chọn theo hình thức này rất an toàn và nhận khoán chi phí với giá từ 4.000 đồng – 9.500 đồng/kg tùy từng thời điểm. Với hình thức này có lợi thế tận dụng kỹ thuật cũng như kinh nghiệm của hộ nuôi, công ty không phải bỏ ra một khoản tiền lớn để đầu tư dài hạn cho ao nuôi giảm áp lực tài chính cho Công ty. Việc liên kết đã hỗ trợ cho những đơn hàng xuất khẩu cá nhỏ (size 3-5 hoặc size 5-7) mà mua ngoài không có, để kịp thời phục vụ đơn hàng xuất khẩu.

a-3) Tình hình vùng nuôi công ty:

Để đạt hiệu quả trong quá trình nuôi, mỗi vùng nuôi đều bố trí người quản lý, theo dõi ghi chép cấp phát thức ăn, theo dõi sử dụng thuốc, mọi thu chi của vùng nuôi đều được thực hiện theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Hệ số thức ăn của các hàm từ 1.57 kg, chi phí thuốc nằm trong khoảng 400 - 500 đồng/kg cá nguyên liệu, đây là một giá thành hợp lý. Ngoài ra thì trong quá trình nuôi liên kết và tự nuôi cũng đã hình thành được quy trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá.

a-4) Tình hình quản lý chất lượng:

Tất cả vùng nuôi của Công ty đều được thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, BRC, Viet Gap. Như vậy với các tiêu chuẩn này thì sản phẩm cá tra của IDI sẽ đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu các thị trường khắt khe nhất

a-5) Tình hình thực hiện đầu tư thức ăn năm 2020:

Trong năm 2020 công ty đã bán tổng cộng gần 84.753 tấn thức ăn (tương đương với 872 tỷ đồng) được sản xuất từ Công ty thức ăn thủy sản Sao Mai Super Feed (đây là công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai), để cung cấp cho vùng nuôi liên kết của Công ty. Thông qua hình thức này sẽ đảm bảo Công ty luôn có sẵn nguồn nguyên liệu kế hoạch từ 3-6 tháng từ đó bộ phận kinh doanh sẽ mạnh dạn bán hàng cho những đơn hàng 3-6 tháng. Bên cạnh đó việc thương mại thức ăn cũng khá hiệu quả từ đó góp phần làm tăng hiệu quả của chuỗi sản xuất thủy sản đồng thời cũng làm tăng hiệu quả của công ty.

a-6) Tình hình sản xuất cá tra tại nhà máy đông lạnh IDI năm 2020:

- Sản lượng và định mức năm 2020 so với năm 2019:

Năm	2019	2020	Giảm	Tỷ lệ giảm
Sản lượng nguyên liệu (tấn)	117.319	78.523	38.796	33,07%
Thành phẩm (tấn)	66.865	43.609	23.256	34,78%
Công suất (tấn/ngày)	500	400	100	20,00%
Định mức	1.900	1.850	50	2,63%

- Công suất nhà máy hiện tại:
- + Size từ 1000 gr/con trở lên: 500 tấn/ngày.
- + Size từ 850 đến nhỏ hơn 1000 gr/con: 450 tấn/ngày.
- + Size từ 800 đến nhỏ hơn 850 gr/con: 425 tấn/ngày.
- + Size từ 750 đến nhỏ hơn 800 gr/con: 415 tấn/ngày.
- + Size từ 700 đến nhỏ hơn 750 gr/con: 405 tấn/ngày.
- + Size từ 650 đến nhỏ hơn 700 gr/con: 400 tấn/ngày.
- + Size nhỏ hơn 650 gr/con: 390 tấn/ngày.

a-7) Khối lượng và doanh thu xuất khẩu năm 2020

THÁNG	Số lượng net (kg)	Số lượng gross (kg)	Giá trị (USD)
01/2020	2.586.482	3.345.222	6.177.692
02/2020	2.532.436	3.368.140	5.914.051
03/2020	3.245.038	4.241.720	7.006.503
04/2020	3.192.084	4.062.652	6.493.394
05/2020	3.389.435	4.279.647	6.500.383
06/2020	3.175.234	3.829.190	6.013.217
07/2020	3.148.878	3.782.001	6.420.613
08/2020	3.130.397	3.710.776	6.454.156
09/2020	3.349.674	3.994.056	6.801.108
10/2020	6.032.976	7.161.759	11.496.875
11/2020	4.894.683	5.839.289	9.124.891
12/2020	5.520.668	6.781.294	11.648.810
Tổng	44.197.983	54.395.746	90.051.692

a-8) Tỷ lệ các sản phẩm bán ra:

Stt	Sản phẩm	Khối lượng net (tấn)	Khối lượng gross (tấn)
1	Fillet tạo hình sạch	34.253	42.837
2	Cá nguyên con	4.560	5.218
3	Cá còn thịt đỏ	1.293	1.947
4	Cá loại 2	411	411
5	Cá cắt khúc, cắt miếng	1.420	1.709
6	Dề cá	279	279
7	Da cá	1.867	1.880
8	Các loại khác	115	115
Tổng		44.198	54.396

a-9) Thị trường & khách hàng mới:

Trong năm 2020, công ty đã xuất khẩu đến hơn 200 khách hàng với 45 quốc gia và vùng lãnh thổ trên Thế giới.

STT	Tên Quốc gia	Khối lượng Net(Kg)	Khối lượng Gross(Kg)	Trị giá hợp đồng (USD)	Tỷ trọng %
1	CANADA	58.060	59.655	148.720	0,17%
2	MEXICO	8.077.693	9.879.412	19.137.000	21,25%
3	NICARAGUA	43.200	48.000	113.280	0,13%
4	BANAMA	39.200	49.000	72.095	0,08%
5	MỸ	36.172	36.172	97.370	0,11%
6	BAHRAIN	1.306.557	1.897.418	3.181.503	3,53%
7	Bangladesh	28.000	35.000	57.440	0,06%
8	HỒNG KONG	2.999.934	4.640.119	6.724.921	7,47%
9	ẤN ĐỘ	621.116	914.576	1.271.529	1,41%
10	NHẬT BẢN	8.160	9.600	23.808	0,03%
11	JORDAN	21.600	24.000	43.200	0,05%
12	KUWAIT	40.920	55.500	87.686	0,10%
13	MALAYSIA	310.020	483.200	626.921	0,70%
14	MÔNG CỔ	21.300	28.000	44.735	0,05%
15	PHILIPPINES	183.160	295.910	400.399	0,44%
16	QATAR	8.238	10.450	15.954	0,02%
17	SINGAPORE	1.789.614	2.339.988	3.288.850	3,65%
18	SRI LANKA	21.600	24.000	43.920	0,05%
19	ĐÀI LOAN	781.623	1.108.522	1.618.306	1,80%
20	THÁI LAN	191.900	280.000	370.513	0,41%
21	CÁC TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP THỐNG NHẤT	1.068.780	1.379.670	2.230.151	2,48%
22	BỈ	48.000	50.000	98.480	0,11%
23	CZECH REPUBLIC	163.400	198.000	354.580	0,39%
24	COSTA RICA	108.045	171.500	248.430	0,28%
25	PHÁP	572.000	584.000	537.909	0,60%
26	ĐỨC	966.367	1.060.620	1.349.863	1,50%
27	ITALIA	782.304	784.320	658.646	0,73%
28	HÀ LAN	356.250	457.900	712.591	0,79%
29	ROMANIA	15.120	21.600	25.056	0,03%
30	TÂY BAN NHA	70.162	85.580	148.247	0,16%
31	THỤY SỸ	61.200	81.600	130.264	0,14%
32	UNITED KINGDOM	227.856	284.820	485.164	0,54%
33	ALGERIA	118.305	193.500	296.053	0,33%
34	AI CẬP	688.042	741.656	1.507.680	1,67%
35	MAROCCO	18.000	24.000	44.880	0,05%
36	NAM PHI	14.063	14.063	22.359	0,02%
37	AUSTRALIA	1.169.886	1.212.764	2.814.008	3,12%
38	NEW ZEALAND	17.640	19.600	38.416	0,04%

39	ISRAEL	214.252	267.815	467.053	0,52%
40	ARUBA	11.612	11.612	23.457	0,03%
41	CHILE	83.888	113.860	174.216	0,19%
42	COLOMBIA	124.825	174.000	253.095	0,28%
43	CỘNG HÒA DOMINICA	2.733	4.555	5.602	0,01%
44	PERU	119.674	144.970	292.802	0,33%
45	TRUNG QUỐC	20.587.517	24.095.219	39.764.538	44,16%
Tổng		44.197.983	54.395.746	90.051.692	100%

a-10) Thị phần theo châu lục

CHÂU LỤC	DOANH THU	TỶ LỆ
CHÂU MỸ	20.294.180	23%
CHÂU Á	60.261.429	67%
CHÂU ÂU	4.772.687	5%
CHÂU PHI	1.870.972	2%
CHÂU ÚC	2.852.424	3%
Tổng	90.051.692	100%

b- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:(kế hoạch kinh doanh riêng Công ty mẹ)

Kinh doanh cá tra Fillet xuất khẩu.

- Giữ vững khách hàng và thị phần của công ty, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng.
- Tận dụng tình hình kiểm soát được dịch Covid-19 của thế giới nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của công ty đạt mức khoảng 120 triệu USD và đạt lợi nhuận trước thuế là khoảng 98 tỷ đồng.
- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.
- Phân đầu nâng thứ hạng của công ty IDI lên top 2 Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.
- Đối với những thị trường hiện có, công ty tiếp tục củng cố khách hàng, tăng sự hài lòng và tăng tần suất mua lại của khách qua việc chăm sóc khách hàng, phân loại khách hàng và phân khúc thị trường để có chiến lược hợp tác lâu dài.
- Mặt khác, công ty cũng sẽ quan tâm nhiều đến các khách hàng là hệ thống siêu thị, nhà hàng, các nhà chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra để có những đơn hàng dài hạn (6 đến 12 tháng) và duy trì sản xuất ổn định.



b-1) Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2021:

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	683	1.253	228	114	455	151	151	3.035
2	683	1.253	228	114	455	151	151	3.035
3	732	1.342	244	122	488	162	162	3.252
4	878	1.610	293	146	586	195	195	3.903
5	814	1.952	326	162	650	217	217	4.338
6	935	2.245	374	187	748	249	249	4.987
7	1.017	2.440	406	203	814	271	271	5.422
8	1.058	2.537	423	211	845	282	282	5.638
9	1.097	2.634	439	219	878	293	293	5.853
10	1.138	2.733	455	228	911	304	304	6.073
11	1.138	2.733	455	228	911	304	304	6.073
12	1.366	2.505	455	228	911	304	304	6.073
Tổng	11.539	25.237	4.326	2.162	8.652	2.883	2.883	57.682

- Luôn xem chất lượng là yếu tố then chốt trong chế biến hàng xuất khẩu và luôn luôn nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Kiểm tra giám sát chặt chẽ từ khâu nuôi cá, thu mua cá, và từng khâu trong chế biến và xuất hàng.

- Cam kết mang lại cho khách hàng sản phẩm chất lượng tốt, đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm.

- Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất chế biến nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên và cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn tạo sự hài lòng cho khách hàng.

- Nhà máy sẽ cải tiến quy trình sản xuất, cắt giảm chi phí chế biến nhằm đảm bảo sản phẩm có giá thành cạnh tranh hấp dẫn khách hàng.

- Đối với thị trường cao cấp, công ty sẽ tăng cường tiếp thị và đẩy mạnh sản phẩm cao cấp như cá tra fillet trắng và trắng hồng không xử lý phụ gia, cá tra fillet được chế biến từ nguyên liệu có chứng nhận, ASC, VietGap sản phẩm đóng túi lẻ, cá fillet tẩm bột, cá fillet xông CO₂, cá tra fillet cắt miếng, cá xiên que, cá cuộn (sản phẩm mới) và sản phẩm đông block công nghiệp cung cấp cho các nhà chế biến cá finger, portion v.v....

- Ngoài ra, với chứng nhận ASC, BRC, VietGap... công ty cũng sẽ tiếp cận hệ thống siêu thị lớn trên Thế Giới.

- Đối với thị trường bình dân, tiếp tục phát huy những sản phẩm thông thường như các loại cá fillet tạo hình sạch, fillet còn thịt đỏ, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... nhằm đáp ứng công suất sản xuất của hai xưởng, giảm áp lực cạnh tranh và tăng doanh thu.

b-2) Doanh thu xuất khẩu theo kế hoạch năm 2021: (Đvt : USD)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	1.443.923	2.617.608	474.196	236.042	929.059	303.425	302.196	6.306.449
2	1.443.923	2.617.608	474.196	236.042	929.059	303.425	302.196	6.306.449
3	1.547.513	2.803.536	507.473	252.606	996.441	325.529	324.211	6.757.309
4	1.856.170	3.363.407	609.384	302.299	1.196.546	391.840	390.254	8.109.900
5	1.720.869	4.077.870	678.017	335.428	1.327.227	436.048	434.282	9.009.741
6	1.976.673	4.689.969	777.848	387.191	1.527.332	500.350	498.324	10.357.687
7	2.150.029	5.097.338	844.402	420.320	1.662.097	544.557	542.353	11.261.096
8	2.236.706	5.299.978	879.759	436.884	1.725.395	566.661	564.367	11.709.750
9	2.319.156	5.502.618	913.036	453.449	1.792.777	588.765	586.381	12.156.182
10	2.405.834	5.709.436	946.312	472.084	1.860.160	610.869	608.396	12.613.091
11	2.405.834	5.709.436	946.312	472.084	1.860.160	610.869	608.396	12.613.091
12	2.887.846	5.233.128	946.312	472.084	1.860.160	610.869	608.396	12.618.795
Tổng	24.394.476	52.721.932	8.997.247	4.476.513	17.666.413	5.793.207	5.769.752	119.819.540

- Thu hút nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo lực lượng bán hàng kế thừa.
- Tập trung bán hàng vào những thị trường tiềm năng.
- Ưu tiên những khách hàng uy tín, thanh toán tốt, mua hàng ổn định và ưu tiên những phương thức thanh toán nhanh nhằm tạo vòng quay vốn nhanh tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tạo sự khác biệt so với các công ty cùng ngành nghề qua việc luôn đảm bảo 3 yêu cầu quan trọng của khách hàng là “giá tốt, chất lượng tốt và dịch vụ tốt”.
- Tổ chức những đợt tham dự hội chợ Thủy sản quốc tế và tổ chức các chuyến đi khảo sát thị trường và làm việc với khách hàng như chuyến khảo sát khu vực Nam Mỹ Brazil, Trung Quốc, Colombia, Peru, khu vực Châu Phi như Ai Cập, Nam Phi, An Giê Ri, v.v...



b-3) Kế hoạch sản xuất năm 2021: (Đvt: Tấn)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	686	1.258	229	114	457	152	152	3.048
2	686	1.258	229	114	457	152	152	3.048
3	735	1.348	245	123	490	163	163	3.267
4	882	1.617	294	147	588	196	196	3.920
5	817	1.960	327	163	653	218	218	4.356
6	939	2.254	376	188	751	250	250	5.008
7	1.021	2.450	408	204	817	272	272	5.444
8	1.062	2.548	425	212	849	283	283	5.662
9	1.102	2.645	441	220	882	294	294	5.878
10	1.143	2.744	457	229	915	305	305	6.098
11	1.143	2.744	457	229	915	305	305	6.098
12	1.372	2.515	457	229	915	305	305	6.098
Tổng	11.588	25.341	4.345	2.172	8.689	2.895	2.895	57.925

- Luôn tìm hiểu và luôn cải tiến quy trình sản xuất, định mức sản xuất để có giá thành tốt hơn.
- Luôn đảm bảo lực lượng công nhân lành nghề nhằm ổn định sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Luôn lắng nghe những phản hồi của khách hàng và ứng dụng những tiến bộ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến nhất trong chế biến và quản lý nhà máy.
- Tăng cường nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý nhà máy, quản lý chất lượng sản phẩm nhằm luôn đáp ứng mọi nhu cầu về chất lượng sản phẩm.
- Tuyển dụng và đào tạo thêm đội ngũ quản lý nhà máy, công nhân để đáp ứng nhu cầu tăng công suất hoạt động nhà máy.

b-4) Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	3.968	2.136	6.104
2	3.968	2.136	6.104
3	4.251	2.289	6.540
4	5.103	2.748	7.851
5	5.233	3.488	8.721
6	6.016	4.011	10.027
7	6.541	4.361	10.902
8	6.803	4.535	11.338
9	7.064	4.709	11.773
10	7.327	4.884	12.211
11	7.327	4.884	12.211
12	7.937	4.274	12.211
Tổng	71.538	44.455	115.993

- Diện tích vùng nuôi liên kết của Công ty năm 2021 dự kiến khoảng 350 ha ước tính cho tổng sản lượng là 101.180 Tấn cá nguyên liệu đáp ứng 85% nhu cầu nguyên liệu trong năm.
- Còn lại khoảng 15% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy (17.855 Tấn), công ty sẽ thu mua từ nông dân bên ngoài.
- Nhìn chung, xí nghiệp nuôi trồng và phòng thu mua nguyên liệu sẽ đảm bảo đủ sản lượng nguồn nguyên liệu (khoảng 90.000 tấn) cho chế biến đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.



b-5) Dự kiến sản lượng thức ăn tiêu thụ trong năm 2021 (đvt: tấn).

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	3.300	9.700	13.000
2	3.300	9.700	13.000
3	3.300	9.700	13.000
4	3.300	9.700	13.000
5	3.500	10.000	13.500
6	3.500	10.000	13.500
7	3.500	10.000	13.500
8	3.500	10.000	13.500
9	3.500	10.000	13.500
10	4.000	10.000	14.000
11	4.000	10.000	14.000
12	4.000	10.000	14.000
Tổng	42.700	118.800	161.500

b-6) Dự kiến giá bán thức ăn tiêu thụ trong năm 2021 (đvt: đồng).

Loại thức ăn	Đồng/kg
Thức ăn 3 ly 28% đạm	11.500
Thức ăn 5 ly 26% đạm	10.500



b-7) Dự báo doanh thu từ kinh doanh thức ăn trong năm 2021 (đvt: ngàn đồng).

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	37.950.000	101.850.000	139.800.000
2	37.950.000	101.850.000	139.800.000
3	37.950.000	101.850.000	139.800.000
4	37.950.000	101.850.000	139.800.000
5	40.250.000	105.000.000	145.250.000
6	40.250.000	105.000.000	145.250.000
7	40.250.000	105.000.000	145.250.000
8	40.250.000	105.000.000	145.250.000
9	40.250.000	105.000.000	145.250.000
10	46.000.000	105.000.000	151.000.000
11	46.000.000	105.000.000	151.000.000
12	46.000.000	105.000.000	151.000.000
Tổng	491.050.000	1.247.400.000	1.738.450.000

- Thông qua việc phân phối cho các hộ nông dân nuôi liên kết với Công ty và những nông dân bán cá nhiều năm cho Công ty và được Công ty bao tiêu sản phẩm thì với lượng thức ăn sản xuất được của Tập Đoàn trong năm được đảm bảo phân phối hết theo kế hoạch.



Dự báo kết quả kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	BCTC 2020 Hợp nhất	Kế hoạch 2021			Tổng cộng hợp nhất kế hoạch 2021
		Cá tra Fillet	Thức ăn thủy sản	Trisedco	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.373.782.222.183	3.086.710.328.000	1.738.450.000.000	2.100.000.000.000	6.925.160.328.000
4. Giá vốn hàng bán	5.909.328.294.387	2.766.634.754.000	1.565.421.000.000	2.000.837.000.000	6.332.892.754.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	457.428.085.081	320.075.574.000	173.029.000.000	99.163.000.000	592.267.574.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	133.030.146.984	115.635.452.300	9.864.525.400	29.453.000.000	154.952.977.700
7. Chi phí tài chính	288.484.599.424	160.735.641.238	79.258.624.000	64.534.000.000	304.528.265.238
8. Chi phí bán hàng	141.379.654.686	135.497.710.231	37.537.565.000	12.521.000.000	185.556.275.231
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.659.748.947	40.789.632.710	31.358.426.000	6.781.000.000	78.929.058.710
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	120.934.229.008	98.688.042.121	34.738.910.400	44.780.000.000	178.206.952.521
11. Thu nhập khác	8.810.188.015	3.942.781.320	1.738.450.000	-	5.681.231.320
12. Chi phí khác	8.599.289.120	2.842.731.280	1.043.070.000	336.000.000	4.221.801.280
13. Lợi nhuận khác	210.898.895	1.100.050.040	695.380.000	(336.000.000)	1.459.430.040
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.024.947.298	12.972.451.981	-	4.444.000.000	17.416.451.981
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-13.144.869	-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.133.325.474	86.815.640.180	35.434.290.400	40.000.000.000	162.249.930.580

3.4- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**a) Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải*****Xử lý nước thải***

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (Công ty IDI) có 01 công trình xử lý nước thải công suất thiết kế 3.000m³/ngày.đêm, quy trình xử lý và quy mô công suất không thay đổi so với trước đây. Hiện tại hệ thống xử lý nước thải Công ty IDI đang tiếp nhận và xử lý nước thải từ 04 Nhà máy trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống với lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày như sau:

- Nước thải từ hai Nhà máy trực thuộc Công ty IDI gồm:

+ Nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu thủy sản số 01: 850m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu thủy sản số 02: 650m³/ngày.đêm

- Nước thải từ hai Nhà máy trực thuộc Công ty TRISEDCO gồm:

+ Nhà máy chế biến Bột cá – Mỡ cá Trisedco: 45m³/ngày.đêm

+ Nhà máy chế biến Dầu Ăn: 12m³/ngày.đêm

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của các nhà máy: 1.557m³/ngày.đêm

- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải: Hiện tại hệ thống xử lý nước thải của Công ty đang được vận hành liên tục và hoạt động ổn định đáp ứng tốt việc xử lý nước thải phát sinh từ 4 Nhà máy sản xuất nêu trên.

Căn cứ vào kết quả quan trắc phân tích mẫu nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý nước thải cho thấy các chỉ tiêu đều nằm dưới ngưỡng cho phép theo QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

b) Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

- Công ty không có công trình phát sinh khí thải ra môi trường.

- Công ty có quan trắc định kỳ môi trường không khí khu vực nhà máy, các điểm quan trắc gồm:

+ Tại vị trí cổng bảo vệ của công ty.

+ Tại vị trí phân xưởng chính nhà máy.

+ Tại vị trí khu cấp đông nhà máy.

Kết quả phân tích mẫu không khí môi trường không khí khu vực nhà máy và trong xưởng chế biến của nhà máy trong 4 quý trong năm 2020 đều đạt theo quy chuẩn hiện hành.

c) Về quản lý chất thải rắn**c.1 Nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu thủy sản số 01:**

Thống kê chất thải rắn sinh hoạt và phương án xử lý (CTRSH):

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Rác thải	504.000	Công ty CP Môi trường xanh Linh Linh	
Tổng số lượng		504.000		

Thông kê CTRCNTT và phương án xử lý :

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
1	Phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra – cá basa	26.876.670	Công ty TNHH MTV Kiểm định và đầu tư Toàn Cầu	
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	201.313	Đoàn Thị Xuân Mai	Số: 31/3, Bùi Văn Danh, Long Xuyên, An Giang
TỔNG CỘNG		27.077.983		

Thông kê CTNH và phương án xử lý :

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	32.4	PT-HR	Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng	
Giẻ lau, găng tay nhiễm các TPNH	18 02 01	18.6	TĐ-HR		
Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	114	TĐ-HR		
Hộp mực in thải có chứa TPNH	08 02 04	6.6	TĐ-HR		
Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng tại trạm cấp nước	12 06 01	24.6	TĐ-HR		
Bùn thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 01	1200	TĐ-HR		
Tổng số lượng		1396.2			

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

c.2 Nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu thủy sản số 02:

Thông kê CTRSH và phương án xử lý:

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Rác thải	336.000	Công ty CP Môi trường xanh Linh Linh	
Tổng số lượng		336.000		

Thông kê CTCNTT:

TT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Ghi chú
1	Phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra – cá basa	17.917.780	Công ty TNHH MTV Kiểm định và đầu tư Toàn Cầu	
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	134.209	Đoàn Thị Xuân Mai	Số: 31/3, Bùi Văn Danh, Long Xuyên, An Giang
TỔNG CỘNG		18.051.989		

Thông kê CTNH và phương án xử lý:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	21.6	PT-HR	Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng	
Giẻ lau, găng tay nhiễm các TPNH	18 02 01	12.4	TĐ-HR		
Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	76	TĐ-HR		
Hộp mực in thải có chứa TPNH	08 02 04	4.4	TĐ-HR		
Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng tại trạm cấp nước	12 06 01	16.4	TĐ-HR		
Bùn thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 01	801	TĐ-HR		
Tổng số lượng		931.8			

- (i) Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**4.1- Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty**

- **Tình hình vùng nuôi:** Đã thực hiện tốt công tác giám sát chặt chẽ sức khỏe và tình hình phát triển của cá tra nguyên liệu. Đảm bảo cung cấp đạt 80% nhu cầu sản xuất của Công ty.

- **Tình hình thu mua nguyên liệu:** Luôn cập nhật giá cả nguyên liệu biến động hàng ngày để có thể chốt được giá liên kết hợp lý nhất. Cân đối linh hoạt việc thu mua nguyên liệu giá thấp trên thị trường để đáp ứng đủ các đơn hàng xuất khẩu.

- **Tình hình phát triển thị trường:** Luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng để duy trì khách hàng cũ, khách hàng tiềm năng, đồng thời vẫn tìm kiếm thị trường mới nên các sản phẩm của Công ty vẫn đi đến 45 quốc gia trên Thế giới trong năm 2020.

- **Về tác động môi trường:** Công ty có các giải pháp bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức khác nhau như luôn đảm bảo xử lý nước thải theo đúng quy định, thường xuyên quét dọn, vệ sinh môi trường trong và ngoài nhà máy sản xuất, thuê công ty thu gom xử lý rác thải thường xuyên vào Công ty xử lý rác thải, tích cực trồng thêm nhiều cây xanh dọc đường đi, xung quanh nhà các nhà máy, trụ sở làm việc và khuôn viên... Bên cạnh đó, Công ty đã lắp đặt được 1,06MW năng lượng điện mặt trời áp mái, gắn trên mái các nhà máy, kho xưởng, tòa nhà văn phòng, giúp thay thế một phần sử dụng điện lưới quốc gia.

- **Về trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:** Mục tiêu và phương hướng hoạt động của Công ty IDI là phát triển bền vững, đồng thời thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Công ty luôn quan tâm đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên luôn được nâng cao cả về vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc năng động trẻ trung và có nhiều cơ hội phát triển. Công ty cũng đã có nhiều hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa và đặc biệt là tinh thần “tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách” được thực hiện ngay trong nội bộ IDI, những hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong Công ty đều được tất cả các CB-CNV hỗ trợ, giúp đỡ.

4.2- Đánh giá về hoạt động của Ban tổng giám đốc:

Dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc, Ban tổng giám đốc Công ty IDI đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, nhanh chóng và kịp thời phòng chống dịch bệnh Covid-19 để ổn định hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2020, Ban tổng giám đốc cũng đã thể hiện tính tuân thủ đối với các quy định về quản trị, điều hành, bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, cụ thể:

- **Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:** Đã thực kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo đúng định hướng đề ra. Nhưng do ảnh hưởng bất ngờ từ đại dịch Covid-19 và không thể kiểm soát nên tình hình kinh doanh năm 2020 của Công ty chỉ đạt được 64,28% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, đây cũng là kết quả đáng được ghi nhận, vì nó thể hiện tinh thần đoàn kết của tập thể gần 4.000 CB-CNV vừa phòng chống dịch bệnh an toàn, vừa sản xuất kinh doanh có hiệu quả trước đại dịch ảnh hưởng toàn cầu được ghi nhận là tàn khốc nhất từ trước đến nay.

- **Về công tác nhân sự:** Luôn đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, gắn kết tập thể, đồng thời tạo môi trường quản lý tốt hiệu quả, giúp mọi CB-CNV đều có thể phát huy các sáng kiến, sáng tạo trong công việc.

- **Về đảm bảo nguồn tài chính:** Ban tổng giám đốc đã cân đối tương đối tốt nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng để đáp ứng sản xuất và duy trì trả nợ đúng hạn các nguồn vốn vay nên Công ty luôn đạt tín nhiệm A trên danh sách theo dõi của các tổ chức tín dụng.

V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1- Hội đồng quản trị : Gồm có 03 thành viên:



Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch HĐQT

- Các chức danh tại công ty khác: TV.HĐQT kiêm TGD Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
- CMND số : 350006170 cấp ngày 06/06/2018 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/3/1958
- Địa chỉ thường trú: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Thanh Thuận sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977, ông Thuận làm việc tại Sở xây dựng An Giang.
- Từ năm 1979, Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang.
- Năm 1982, ông Thuận được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang vào năm 1986.
- Từ năm 1992, ông Thuận được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng. Đến năm 1997, Ông thành lập và điều hành Công CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2003, ông thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 12.535.000 cp, chiếm 5,51% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện cho Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai sở hữu là: 116.612.431 cổ phần, chiếm 51,23% vốn điều lệ.



Ông Lê Văn Chung – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Các chức danh tại công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Trisedco
- CMND số: 351393479 cấp ngày 09/06/2010 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1964
- Địa chỉ thường trú : Số 72. Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Văn Chung sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994. Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997.
- Năm 2003, ông Chung tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty IDI.
- Từ 2008 đến 22/10/2013, ông Chung giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Cty IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 148.787 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ.



Ông Tống Phi Hùng – Thành viên HĐQT

- Các chức danh tại công ty khác: Không có
- CMND số: 170006507 cấp ngày 03/12/2013 tại Tỉnh Thanh Hóa
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1958
- Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

- Ông Tống Phi Hùng sinh tại Hoa Lư - Ninh Bình. Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, Ông làm công nhân kỹ thuật ngành xe lửa – Tổng cục Đường sắt Thanh Hóa.
- Năm 1987, Ông Hùng làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức.
- Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang.
- Từ 1996 đến nay, ông Hùng tự kinh doanh riêng tại Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2020, hội đồng quản trị đã tiến hành tổng số 28 cuộc họp với tỷ lệ tham dự đầy đủ 100% của tất cả các thành viên.
- Hàng tuần/tháng/quý, thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp với Ban tổng giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng;
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV năm 2020.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như kiến nghị với Ban giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, đối phó đại dịch Covid-19 vừa đảm bảo an toàn sức khỏe, vừa đảm bảo kế hoạch kinh doanh chung của năm 2020.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng trong Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX).

5.2- Ban kiểm toán nội bộ

5.2.1 Các thành viên

a) Bà Lê Thị Phụng – Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

- CMND số : 352272283 cấp ngày 04/08/2010 tại CA An Giang
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1980
- Địa chỉ thường trú : 72 Trần Nhật Duật – Mỹ Long - Long Xuyên - An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

b) Bà Ngô Thị Tố Ngân – Thành viên.

- CMND số : 352 428 133 cấp ngày 12/12/2012 tại CA An Giang
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1981
- Địa chỉ thường trú : 80F1 Mai Hắc Đế, Phường Bình Khánh, Tp.Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

c) Ông Lê Hoàng Cương – Thành viên.

- CMND số : 370990568 cấp ngày 24/03/2000 tại CA Kiên Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1985
- Địa chỉ thường trú : 44 Kênh 8 - Xã Thạnh Đông A, –Tân Hiệp - Kiên Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

5.2.2 Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp để trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và tư vấn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán.
- Thường xuyên phát triển, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.
- Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và kiểm soát dịch vụ kiểm toán độc lập đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.

5.3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích**5.3.1 Thù lao HĐQT trong năm 2020**

- Chủ tịch HĐQT : 10.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT : 7.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên độc lập HĐQT : 5.000.000 đồng/tháng;

Tổng số tiền thù lao HĐQT năm 2020 là 264.000.000 đồng.

Các khoản lợi ích khác: Không có

5.3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có**5.3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có****5.3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong năm 2020 Công ty cơ bản đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty theo nghị định 71/2017/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/06/2017. Tuy nhiên, do chưa tìm được người phù hợp với vai trò người phụ trách quản trị công ty và do phải tập trung đối phó với dịch Covid-19 để ổn định sản xuất kinh doanh nên Công ty chưa công bố thông tin về người phụ trách quản trị công ty. Công ty sẽ cố gắng khắc phục điều này và sớm công bố người phụ trách quản trị công ty trong thời gian sớm nhất.



VI/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

6.1- Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn phần.

6.2- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

*Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 47

0303147
CÔNG TY
CỔ PHẦN Đ
VÀ PHÁT T
A QUỐC GI
★ ★ ★
VỐ - T. Đ

03050
CÔ
TRÁCH N
DỊCH V
AI CHỦ
VÀ KI
PHI
V. T. T



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: **2.276.446.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4. Cấu trúc Công ty**Công ty con****- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

+ Vốn điều lệ: 460.054.130.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 79,25%

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính

+ Địa chỉ: 326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang

+ Vốn điều lệ: 52.168.970.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,80%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 75,35%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuận
 Ông: Lê Văn Chung
 Ông: Tống Phi Hùng

Chủ tịch
 Phó chủ tịch
 Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Chung
 Ông: Phạm Đình Nam
 Ông: Lê Văn Cảnh
 Ông: Nguyễn Thanh Hải
 Bà: Võ Thị Minh Tâm

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà: Lê Thị Phụng
 Bà: Ngô Thị Tố Ngân
 Ông: Lê Hoàng Cương

Trưởng ban
 Ủy viên
 Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Chung

Kế toán trưởng:

Ông: Lê Xuân Định
 Ông: Nguyễn Đức Phương

Bãi nhiệm theo QĐ số 323/2020/QĐ-IDI ngày 27/08/2020

Bổ nhiệm theo QĐ số 324/2020/QĐ-IDI ngày 27/08/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện công tác kiểm toán BCTC này.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 246 /BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 28 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng giám đốc

(Chữ ký và dấu của Phó Tổng giám đốc)

Lê Đình Ái

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3770-2018-142-1



Kiểm toán viên

(Chữ ký của Kiểm toán viên)

Đặng Tùng Hưng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Năm tài chính 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.426.502.454.202	4.944.509.993.182
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	539.329.706.401	581.064.160.739
111	1. Tiền		363.071.852.841	464.779.307.179
112	2. Các khoản tương đương tiền		176.257.853.560	116.284.853.560
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	890.783.636.414	419.160.736.414
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		890.783.636.414	419.160.736.414
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.446.326.810.378	2.477.000.582.461
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.405.971.316.412	1.433.967.244.207
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		968.786.953.714	979.020.024.298
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	129.364.487.679	122.060.567.549
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.05	(57.795.947.427)	(58.047.253.593)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.06	1.507.905.050.766	1.411.558.516.141
141	1. Hàng tồn kho		1.557.411.109.649	1.428.870.147.138
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(49.506.058.883)	(17.311.630.997)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.157.250.243	55.725.997.427
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	1.580.367.271	1.803.874.105
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		40.576.882.972	53.522.762.520
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15		399.360.802
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Năm tài chính 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.287.133.536.728	2.549.057.698.286
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		27.232.530.450	13.909.356.504
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	27.232.530.450	13.909.356.504
220	II. Tài sản cố định		1.175.177.229.436	1.185.230.525.066
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	705.627.520.365	700.951.079.318
222	- Nguyên giá		1.106.919.156.211	1.025.252.063.948
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(401.291.635.846)	(324.300.984.630)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	281.194.529.935	286.308.139.107
225	- Nguyên giá		366.218.243.505	344.710.203.833
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(85.023.713.570)	(58.402.064.726)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	188.355.179.136	197.971.306.641
228	- Nguyên giá		205.947.154.847	211.916.958.707
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(17.591.975.711)	(13.945.652.066)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	134.465.414.751	108.936.980.974
231	- Nguyên giá		178.508.801.476	143.442.915.690
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(44.043.386.725)	(34.505.934.716)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.07	640.416.803.463	81.367.881.279
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		640.416.803.463	81.367.881.279
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	296.770.000.000	1.140.180.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		296.770.000.000	1.140.180.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.071.558.628	19.432.954.463
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	12.937.633.187	19.290.875.403
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		133.925.441	133.925.441
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.12		8.153.619
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.713.635.990.930	7.493.567.691.468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.714.951.818.602	4.602.181.083.435
310	I. Nợ ngắn hạn		4.265.926.104.909	4.095.662.828.871
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	219.765.346.336	441.387.125.909
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		127.041.884.478	94.649.028.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	16.821.769.854	30.809.632.264
314	4. Phải trả người lao động		41.488.836.932	42.720.143.010
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.797.977.224	1.642.215.221
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	105.929.192	105.929.192
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	40.040.391.876	36.372.520.070
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	3.810.258.425.140	3.442.766.404.020
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.605.543.877	5.209.830.377
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		449.025.713.693	506.518.254.564
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	449.025.713.693	506.505.109.695
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			13.144.869
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.18	2.998.684.172.328	2.891.386.608.033
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.991.948.517.828	2.891.386.608.033
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		62.649.640.000	62.649.640.000
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		37.421.898.433	26.954.491.876
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		6.491.811.794	4.024.405.237
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.491.811.794	4.024.405.237
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		437.569.036.747	363.659.320.746
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		341.685.685.396	50.719.267.114
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		95.883.351.351	312.940.053.632
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		147.817.539.060	136.567.564.937
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		6.735.654.500	
431	1. Nguồn kinh phí		6.735.654.500	
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.713.635.990.930	7.493.567.691.468


Đồng Tháp, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

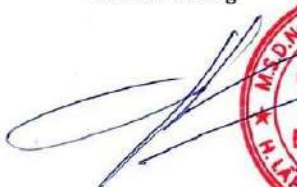
Người lập biểu

Kế toán trưởng

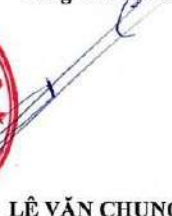
Tổng Giám đốc



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	6.373.782.222.183	7.744.408.629.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	7.025.842.715	12.525.807.185
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.366.756.379.468	7.731.882.822.373
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	5.909.328.294.387	7.032.607.001.871
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		457.428.085.081	699.275.820.502
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	133.030.146.984	58.079.291.368
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	288.484.599.424	159.490.896.860
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		277.028.531.813	145.418.375.749
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06.01	141.379.654.686	194.209.177.950
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06.02	39.659.748.947	49.373.469.992
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		120.934.229.008	354.281.567.068
31	11. Thu nhập khác	VI.07	8.810.188.015	9.116.788.487
32	12. Chi phí khác	VI.08	8.599.289.120	10.483.648.102
40	13. Lợi nhuận khác		210.898.895	(1.366.859.615)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		121.145.127.903	352.914.707.453
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	14.024.947.298	26.961.580.813
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	(13.144.869)	(2.565.417)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		107.133.325.474	325.955.692.057
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		95.883.351.351	312.940.053.632
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.249.974.123	13.015.638.425
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	421	1.535
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	421	1.535

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

VŨ THỊ LỆ

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		121.145.127.903	352.914.707.453
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		120.880.738.905	100.714.057.430
03	2. Các khoản dự phòng		31.943.121.720	6.972.197.640
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(336.820.349)	2.621.703.639
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(109.183.853.670)	(33.114.890.867)
06	5. Chi phí lãi vay		277.028.531.813	145.418.375.749
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		441.476.846.322	575.526.151.044
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		31.375.335.978	75.430.427.374
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(128.541.358.511)	(622.809.092.888)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(95.347.595.414)	86.319.370.218
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.584.902.669	(8.251.311.005)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(272.001.346.392)	(234.441.147.426)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.734.111.796)	(27.843.731.642)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.735.654.500	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.000.000)	(269.910.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(33.459.672.644)	(156.339.244.325)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(942.644.491.419)	(799.065.950.193)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		164.063.971.000	240.082.847.900
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.248.403.000.000)	(1.254.663.636.414)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.620.263.000.000	1.413.727.636.414
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		106.227.370.641	113.774.368.370
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(300.493.149.778)	(286.144.733.923)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		9.680.911.692.188	10.552.009.377.718
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(9.331.103.421.667)	(9.735.776.643.088)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(58.077.736.834)	(49.224.076.774)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(101.784.742.895)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		291.730.533.687	665.223.914.961
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(42.222.288.735)	222.739.936.713
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		581.064.160.739	358.749.624.778
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		487.834.397	(425.400.752)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		539.329.706.401	581.064.160.739

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ LỆ

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: **2.276.446.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con : 02
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 02
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%	79,25%	79,25%
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	72,80%	72,80%	75,35%	75,35%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phản giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

10 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại Việt Nam tại thời điểm giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

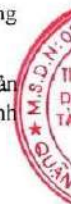
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND



23. Bền liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

26. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị sổ cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.218.265.832	1.097.348.441
Tiền gửi không kỳ hạn	361.853.587.009	463.681.958.738
Các khoảng tương đương tiền	176.257.853.560	116.284.853.560
- Tiền gửi có kỳ hạn	176.257.853.560	116.284.853.560
Cộng	539.329.706.401	581.064.160.739

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh: Không có

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

b2) Dài hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

- Trái phiếu

Cộng

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Không có

Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ
419.160.736.414	419.160.736.414
419.160.736.414	419.160.736.414
1.140.180.000.000	1.140.180.000.000
1.130.000.000.000	1.130.000.000.000
10.180.000.000	10.180.000.000
1.559.340.736.414	1.559.340.736.414



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.405.971.316.412	1.433.967.244.207
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	210.304.909.219	56.807.155.831
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	215.221.934.256	205.491.328.242
+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	129.170.051.660	54.946.778.160
+ Công ty TNHH Sao Mai SUPER FEED	332.521.000.000	463.121.000.000
+ Đối tượng khác	518.753.421.277	653.600.981.974
b) Dài hạn		
Cộng	1.405.971.316.412	1.433.967.244.207

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

04. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	129.364.487.679	(528.000.000)	122.060.567.549	(528.000.000)
Tạm ứng	25.064.909.590		62.277.417.425	
Phải thu khác	104.299.578.089	(528.000.000)	59.783.150.124	(528.000.000)
+ Công ty TNHH Vận Chuyển Kiều Trang	36.635.162.363			
+ Cty CTTC TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	11.462.210.655		8.901.841.182	
+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp - hoàn thuế	18.650.000.000			
+ Công Ty CP Dầu Cá Châu Á	8.417.198.406		7.174.588.404	
+ Cty TNHH MTV Mỹ Kiều	2.000.000.000		42.075.594.206	
+ Đối tượng khác	27.135.006.665	(528.000.000)	1.631.126.332	(528.000.000)
b) Dài hạn	27.232.530.450		13.909.356.504	
Ký cược, ký quỹ	27.232.530.450		13.909.356.504	
Cộng	156.597.018.129	(528.000.000)	135.969.924.053	(528.000.000)

05. NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	10.142.934.000		10.185.126.750	
+ Alfredo Foods	9.214.386.552		9.254.821.599	
+ Alliance Seafood Group	9.249.128.744		9.289.716.248	
+ Lapson International Trading Ltd	6.992.987.415		7.023.674.404	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

05. NỢ XẤU (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Sarl Globe Alliance	7.215.009.648		7.246.670.926	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.656.229.502		6.685.438.712	
+ Đối tượng khác	8.325.271.566		8.361.804.954	
Cộng	57.795.947.427		58.047.253.593	

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: không có

06. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	12.419.472.249		14.100.914.288	
- Công cụ, dụng cụ	542.420.965		653.136.247	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.218.859.296		15.972.206.016	
- Thành phẩm	1.172.761.933.401	(49.506.058.883)	1.271.858.526.691	(1.756.630.997)
- Hàng hóa	344.179.688.460		95.689.609.896	(15.555.000.000)
- Hàng gửi đi bán	21.288.735.278		30.595.754.000	
Cộng	1.557.411.109.649	(49.506.058.883)	1.428.870.147.138	(17.311.630.997)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 1.423.586.801.127đ

- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm, hàng hóa cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2020.

07. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm

+ Kho lạnh 04

+ Dây chuyền Shortening & Margarine

+ Khác

Xây dựng cơ bản

+ Kho lạnh số 04

+ Khu đô thị Bình Long

+ Trụ sở làm việc 12 tầng

+ Công trình khác

Sửa chữa

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
74.818.127.231	18.501.621.425	
29.606.634.150	18.109.880.700	
44.960.714.000		
250.779.081	391.740.725	
565.598.676.232	62.866.259.854	
124.677.753.440	27.090.909.090	
401.317.925.000		
28.487.900.000	28.487.900.000	
11.115.097.792	7.287.450.764	
640.416.803.463	81.367.881.279	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	458.620.039.570	522.853.187.740	26.910.744.247	1.660.547.758	15.207.544.633	1.025.252.063.948
2. Số tăng trong năm	70.119.803.591	49.393.778.660	73.550.000	413.960.000		120.001.092.251
- Mua trong năm	68.019.984.334	34.981.640.754	73.550.000	413.960.000		103.489.135.088
- Đầu tư XD CB hoàn thành	553.181.818	2.624.473.631				3.177.655.449
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	1.546.637.439	11.787.664.275				13.334.301.714
3. Số giảm trong năm		29.266.999.986	8.143.261.428		923.738.574	38.333.999.988
- Chuyển bán, thanh lý		29.266.999.986	8.143.261.428		923.738.574	38.333.999.988
4. Số dư cuối năm	528.739.843.161	542.979.966.414	18.841.032.819	2.074.507.758	14.283.806.059	1.106.919.156.211
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	69.206.818.343	233.678.824.594	14.817.022.575	1.480.404.893	5.117.914.225	324.300.984.630
2. Khấu hao trong năm	21.591.627.883	54.587.904.204	3.200.933.108	186.355.130	1.508.494.082	81.075.314.407
- Khấu hao trong năm	20.973.007.170	46.153.063.270	3.200.933.108	186.355.130	1.508.494.082	72.021.852.760
- Tăng khác	618.620.713	8.434.840.934				9.053.461.647
3. Giảm trong năm		2.281.567.211	1.587.060.344		216.035.636	4.084.663.191
- Thanh lý, nhượng bán		2.281.567.211	1.587.060.344		216.035.636	4.084.663.191
4. Số dư cuối năm	90.798.446.226	285.985.161.587	16.430.895.339	1.666.760.023	6.410.372.671	401.291.635.846
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	389.413.221.227	289.174.363.146	12.093.721.672	180.142.865	10.089.630.408	700.951.079.318
2. Tại ngày cuối năm	437.941.396.935	256.994.804.827	2.410.137.480	407.747.735	7.873.433.388	705.627.520.365

Đơn vị tính: VND

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 403.205.929.211 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 86.853.964.287 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ vô hình	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	20.471.523.035	318.721.290.798	5.517.390.000			344.710.203.833
2. Số tăng trong năm		27.310.621.665	7.520.897.012			34.831.518.677
- Thuế tài chính trong năm		27.310.621.665	7.520.897.012			34.831.518.677
- Thanh lý tài sản thuế tài chính						
3. Số giảm trong năm	1.545.555.588	11.777.923.417				13.323.479.005
- Thanh lý tài sản thuế tài chính						
- Giảm khác	1.545.555.588	11.777.923.417				13.323.479.005
4. Số dư cuối năm	18.925.967.447	334.253.989.046	13.038.287.012			366.218.243.505
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	3.294.667.105	51.150.202.900	3.957.194.721			58.402.064.726
2. Khấu hao trong năm	2.580.183.076	31.813.669.857	1.281.257.558			35.675.110.491
- Khấu hao trong năm	2.580.183.076	31.813.669.857	1.281.257.558			35.675.110.491
- Thanh lý tài sản thuế tài chính						
3. Giảm trong năm	618.620.713	8.434.840.934				9.053.461.647
- Thanh lý tài sản thuế tài chính						
- Giảm khác	618.620.713	8.434.840.934				9.053.461.647
4. Số dư cuối năm	5.256.229.468	74.529.031.823	5.238.452.279			85.023.713.570
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	17.176.855.930	267.571.087.898	1.560.195.279			286.308.139.107
2. Tại ngày cuối năm	13.669.737.979	259.724.957.223	7.799.834.733			281.194.529.935

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 14.639.675.567VND

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bán thuế có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	211.181.958.707			735.000.000		211.916.958.707
2. Số tăng trong năm				50.000.000		50.000.000
- Mua trong năm				50.000.000		50.000.000
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm	6.019.803.860					6.019.803.860
- Thanh lý, nhượng bán	6.019.803.860					6.019.803.860
4. Số dư cuối năm	205.162.154.847			785.000.000		205.947.154.847
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	13.313.754.036			631.898.030		13.945.652.066
2. Khấu hao trong năm	3.589.451.220			56.872.425		3.646.323.645
- Khấu hao trong năm	3.589.451.220			56.872.425		3.646.323.645
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm	16.903.205.256			688.770.455		17.591.975.711
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	197.868.204.671			103.101.970		197.971.306.641
2. Tại ngày cuối năm	188.258.949.591			96.229.545		188.355.179.136

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 187.959.877.991 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 541.500.000 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

11 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
BDS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	143.442.915.690	35.065.885.786		178.508.801.476
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	126.188.188.417	35.065.885.786		161.254.074.203
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	34.505.934.716	9.537.452.009		44.043.386.725
- Quyền sử dụng đất	1.958.465.022	392.211.852		2.350.676.874
- Nhà	32.547.469.694	9.145.240.157		41.692.709.851
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	108.936.980.974			134.465.414.751
- Quyền sử dụng đất	15.296.262.251			14.904.050.399
- Nhà	93.640.718.723			119.561.364.352
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 73.791.373.206VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.580.367.271	1.803.874.105
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	556.032.546	744.915.254
Các khoản khác	1.024.334.725	1.058.958.851
b) Dài hạn	12.937.633.187	19.290.875.403
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.333.867.530	15.343.237.546
Các khoản khác	3.603.765.657	3.947.637.857
c) Lợi thế thương mại		8.153.619
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con		8.153.619
Cộng	14.518.000.458	21.102.903.127

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - VND	2.793.971.851.652	2.793.971.851.652	6.678.546.903.974	6.008.656.953.819	2.124.081.901.497	2.124.081.901.497
Vay ngắn hạn - USD	1.016.286.573.488	1.016.286.573.488	2.967.958.413.887	3.227.958.120.123	1.276.286.279.724	1.276.286.279.724
Cộng	3.810.258.425.140	3.810.258.425.140	9.646.505.317.861	9.236.615.073.942	3.400.368.181.221	3.400.368.181.221
b) Vay dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	300.058.697.421	300.058.697.421		105.247.154.325	405.305.851.746	405.305.851.746
- VND	300.058.697.421	300.058.697.421		105.247.154.325	405.305.851.746	405.305.851.746
Cộng	300.058.697.421	300.058.697.421		105.247.154.325	405.305.851.746	405.305.851.746



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

e) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

	Năm 2020		Năm 2019	
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	53.746.093.115	12.247.732.577	41.498.360.538	12.193.959.059
Trên 1 năm đến 5 năm	18.971.319.286	2.391.942.990	16.579.376.296	2.949.617.718
Cộng	72.717.412.401	14.639.675.567	58.077.736.834	15.143.576.777
				49.224.076.774

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính			42.398.222.799	42.398.222.799
Lãi thuế tài chính phải trả			42.398.222.799	42.398.222.799
Dài hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	148.967.016.272	148.967.016.272	101.199.257.949	101.199.257.949
Lãi thuế tài chính phải trả	148.967.016.272	148.967.016.272	101.199.257.949	101.199.257.949
Cộng	148.967.016.272	148.967.016.272	143.597.480.748	143.597.480.748

đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có

đ) Trái phiếu thường: không có

đ) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	219.765.346.336	219.765.346.336	441.387.125.909	441.387.125.909
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều			19.450.062.720	19.450.062.720
+ Công ty CP Xuất khẩu Hải Sản Sạch	72.371.791.153	72.371.791.153	105.277.242.815	105.277.242.815
+ Công ty TNHH Minh Thắng Sa Đéc	18.976.482.282	18.976.482.282	33.352.800.000	33.352.800.000
+ Công ty TNHH Vận Chuyển Kiều Trang	128.417.072.901	128.417.072.901	283.307.020.374	283.307.020.374
+ Phải trả cho các đối tượng khác				
b) Dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.3				
	219.765.346.336	219.765.346.336	441.387.125.909	441.387.125.909



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp

Thuế TNDN - hoạt động SXKD chính
Thuế TNDN - hoạt động KD BĐS
Thuế GTGT
Thuế GTGT hàng nhập khẩu
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế tài nguyên
Thuế khác

Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
14.096.955.585	15.812.471.242	28.660.523.979	26.945.008.322
-??			
2.497.075.178	2.887.087.156	1.733.157.759	1.343.145.781
	3.655.410.244	3.655.410.244	
203.931.091	886.103.477	3.179.842.547	2.497.670.161
23.808.000			23.808.000
16.821.769.854	23.241.072.119	37.228.934.529	30.809.632.264

Cộng

b) Phải thu

Thuế TNDN - hoạt động KD BĐS
Thuế GTGT
Thuế khác

Số cuối năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số đầu năm
		361.181.852	361.181.852
	1.647.667.925	1.685.756.470	38.088.545
	17.190.666	17.281.071	90.405
	1.664.858.591	2.064.219.393	399.360.802

Cộng

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	40.040.391.876	36.372.520.070
Kinh phí công đoàn	2.105.161.531	2.025.287.171
Bảo hiểm y tế		375.750
Bảo hiểm thất nghiệp		967.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.510.117.500	9.251.117.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.024.359.000	1.024.359.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.400.753.845	24.070.413.649
+ Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Và Đầu Tư Tài Chính	1.404.708.000	1.162.175.000
+ Phải trả khác	19.996.045.845	22.908.238.649
b) Dài hạn		
Cộng	40.040.391.876	36.372.520.070

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	105.929.192	105.929.192
Doanh thu nhận trước	105.929.192	105.929.192
b) Dài hạn		
Cộng	105.929.192	105.929.192

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.979.534.200.000	45.288.900.000	17.060.700.000	28.879.900.821	470.091.998.643	123.551.926.512	2.664.407.625.976
Tăng vốn trong năm trước	296.911.880.000						296.911.880.000
Lãi trong năm trước					312.940.053.632	13.015.638.425	325.955.692.057
Tăng do trích lập từ lợi nhuận							
Tăng khác							
Trích quỹ từ lợi nhuận				6.123.401.529	(23.484.141.529)		(17.360.740.000)
Chia cổ tức		17.360.740.000			(395.888.590.000)		(378.527.850.000)
Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	2.276.446.080.000	62.649.640.000	17.060.700.000	35.003.302.350	363.659.320.746	136.567.564.937	2.891.386.608.033
Lãi trong năm nay					95.883.351.351	11.249.974.123	107.133.325.474
Tăng do trích từ lợi nhuận				15.402.219.671			15.402.219.671
Trích quỹ từ lợi nhuận					(19.402.219.671)		(19.402.219.671)
Chia cổ tức							
Giảm khác					(2.571.415.679)		(2.571.415.679)
Số dư cuối năm nay	2.276.446.080.000	62.649.640.000	17.060.700.000	50.405.522.021	437.569.036.747	147.817.539.060	2.991.948.517.828

(*) Xem thuyết minh V.18.5: Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

18 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	1.166.124.310.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1.166.124.310.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.110.321.770.000	48,77%	1.110.321.770.000	48,77%
Cộng	2.276.446.080.000	100,00%	2.276.446.080.000	100,00%

18 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.276.446.080.000	1.979.534.200.000
- Vốn góp tăng trong năm		296.911.880.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		395.888.590.000

18 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	227.644.608	227.644.608
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18 . 5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	37.421.898.433	26.954.491.876
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	6.491.811.794	4.024.405.237
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.491.811.794	4.024.405.237

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

c) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	1.258.607,31	1.238.937,01
- Bảng Anh (EUR)	4.109,88	4.120,79
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	13.834,60	7.788,60

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.792.878.354.040	3.578.415.868.862
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2.096.301.957.816	2.435.266.891.226
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.361.211.488.411	1.560.610.001.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.595.237.008	86.516.015.290
Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản	25.723.375.818	83.599.852.580
Doanh thu khác	71.809.090	
Cộng	6.373.782.222.183	7.744.408.629.558

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Năm 2020
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ	55.858.325.828

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
Giảm giá hàng bán	1.375.220.687	264.718.367
Hàng bán bị trả lại	5.650.622.028	12.261.088.818
Cộng	7.025.842.715	12.525.807.185

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.484.836.135.367	3.045.927.944.158
Giá vốn bột cá, mỡ cá	2.017.332.558.466	2.324.271.125.110
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.277.072.905.128	1.530.430.558.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	72.411.119.905	61.756.707.032
Giá vốn kinh doanh hàng hóa Bất động sản	25.409.338.545	68.678.238.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	47.749.427.886	12.535.220.999
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.555.000.000)	(10.992.791.428)
Giá vốn khác	71.809.090	
Cộng	5.909.328.294.387	7.032.607.001.871

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	108.265.816.377	32.937.805.508
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.645.402.466	16.762.331.488
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	9.118.928.141	7.853.756.372
Doanh thu hoạt động tài chính khác		525.398.000
Cộng	133.030.146.984	58.079.291.368

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền vay	277.028.531.813	145.418.375.749
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.133.923.667	12.087.686.374
Chi phí tài chính khác	256.419.598	1.984.834.787
Cộng	288.484.599.424	159.490.896.860

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên	8.193.879.309	10.606.753.370
Chi phí nguyên vật liệu		124.706.400
Chi phí khấu hao	566.997.703	1.454.312.751
Chi phí vận chuyển hàng hóa	75.173.781.734	72.782.367.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.483.574.504	30.569.443.042
Chi phí bằng tiền khác	30.961.421.436	78.671.594.491
Cộng	141.379.654.686	194.209.177.950

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	26.555.061.722	28.874.441.695
Chi phí công cụ, dụng cụ	654.639.100	434.933.200
Chi phí khấu hao	4.101.431.667	5.202.895.971
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		596.962.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329.306.725	1.346.895.222
Thuế, phí, lệ phí	468.862.065	530.868.884
Các khoản chi phí QLDN khác	7.801.753.834	12.386.472.173
Hoàn nhập phải thu khó đòi	(251.306.166)	
Cộng	39.659.748.947	49.373.469.992

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
Các khoản khác	7.508.838.995	9.116.788.487
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.301.349.020	
Cộng	8.810.188.015	9.116.788.487

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
Các khoản bị phạt	862.682.837	74.032.542
Các khoản khác	7.736.606.283	10.409.615.560
Cộng	8.599.289.120	10.483.648.102

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YÊU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.076.567.085.564	3.480.718.054.828
Chi phí nhân công	336.543.921.919	368.430.093.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.880.738.905	68.633.402.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.517.485.907	275.016.847.075
Chi phí khác bằng tiền	161.396.970.851	148.207.265.347
Cộng	2.889.906.203.146	4.341.005.663.806

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	14.094.186.827	30.527.468.797
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	(69.239.529)	(3.565.887.984)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.024.947.298	26.961.580.813

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(13.144.869)	(2.565.417)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(13.144.869)	(2.565.417)

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	95.883.351.351	312.940.053.632
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		4.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	227.644.608	201.288.595
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	421	1.535

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	95.883.351.351	312.940.053.632
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		4.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	227.644.608	201.288.595
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	421	1.535

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	Năm 2020
	9.680.911.692.188
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	Năm 2020
	9.331.103.421.667
5. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo: Không có

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

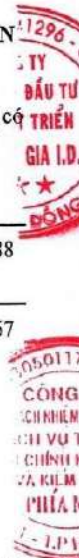
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020	Năm 2019
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Tiền lương	4.565.315.792	4.837.875.096

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ
+ Công ty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty con
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	Công ty con
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Xuất bán cá tra đông lạnh	32.124.254.600
	- Ủy thác xuất khẩu cá tra	284.900.000
	- Kho lạnh 04	30.172.720.000
	- TSCĐ nhà máy số 02	51.343.066.000
	- Chuyển nhượng QSDĐ dự án Lấp Vò	21.697.907.000
	- Đất Tạ Quang Bửu	250.000.000.000
	- Thuê đất	720.000.000
	- Chuyển nhượng đất Tân Long-Thanh Bình	6.738.971.000
	- Xây dựng NM chế biến bột cá - mở cá	16.878.230.000
	- Xây dựng NM tỉnh luyện dầu ăn	7.204.350.000
	- Hoàn tiền tạm ứng xây dựng nhà kho	23.121.770.000
	- Hoàn tiền tạm ứng xây dựng NM tỉnh luyện dầu	37.795.650.000
	- Thiết kế và thi công công trình	25.822.578.353
	- Tiền hoàn trả nền Bến xe Châu Đốc	8.032.320.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	- Tiền cho thuê đất	600.000.000
	- Tiền cho thuê cụm máy ép đùn trục đôi	4.818.000.000
	- Thu tiền chuyển nhượng nhà máy thức ăn	130.600.000.000
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	- Cá tra fillet đông lạnh	24.800.000
	- Dịch vụ đặt tiệc, khách sạn, thuê xe	261.979.000
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	- Dịch vụ đặt tiệc	232.200.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Bán cá tra đông lạnh	683.941.560
	- Tiền nền Bến xe Châu Đốc	5.237.517.996
	- Tư vấn thiết kế	22.822.578.353
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	- Chuyển nhượng nhà máy thức ăn	329.730.000.000
	- Tiền cho thuê máy ép đùn và thuê đất	2.791.000.000
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	- Dịch Vụ nhà hàng khách sạn	587.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2020			Năm 2019		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.393.911.799.433	1.972.844.580.035	6.366.756.379.468	4.542.894.366.421	3.188.988.455.952	7.731.882.822.373
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.393.911.799.433	1.972.844.580.035	6.366.756.379.468	4.542.894.366.421	3.188.988.455.952	7.731.882.822.373
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	297.422.222.244	160.005.862.837	457.428.085.081	167.259.214.571	532.016.605.931	699.275.820.502
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(181.039.403.633)			(243.582.647.942)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.393.911.799.433	1.972.844.580.035	6.366.756.379.468	4.542.894.366.421	3.188.988.455.952	7.731.882.822.373
Doanh thu hoạt động tài chính			133.030.146.984			58.079.291.368
Chi phí tài chính			(288.484.599.424)			(159.490.896.860)
Thu nhập khác			8.810.188.015			9.116.788.487
Chi phí khác			(8.599.289.120)			(10.483.648.102)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(14.024.947.298)			(26.961.580.813)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			13.144.869			2.565.417
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.393.911.799.433	1.972.844.580.035	6.366.756.379.468	4.542.894.366.421	3.188.988.455.952	7.731.882.822.373
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			(107.133.325.474)			(325.955.692.057)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	942.644.491.419	121.895.144.942	1.064.540.636.361	942.644.491.419	121.895.144.942	1.064.540.636.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.916.985.313.545	225.909.378.178	2.142.894.691.723	1.881.021.282.446	286.117.844.663	2.167.139.127.109
Tài sản không phân bổ			5.570.741.299.207			5.326.428.564.359
Tổng tài sản	1.916.985.313.545	225.909.378.178	7.713.635.990.930	1.881.021.282.446	286.117.844.663	7.493.567.691.468
Nợ phải trả bộ phận	298.892.144.575	75.072.179.401	373.964.323.976	482.936.342.865	83.150.775.905	566.087.118.770
Nợ phải trả không phân bổ			4.340.987.494.626			4.036.093.964.665
Tổng nợ phải trả	298.892.144.575	75.072.179.401	4.714.951.818.602	482.936.342.865	83.150.775.905	4.602.181.083.435

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2020

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Bột Cá, mỡ cá	Thức ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.785.852.511.325	2.096.301.957.816	1.361.211.488.411	123.390.421.916	6.366.756.379.468
Tài sản bộ phận	2.715.768.293.164	1.206.069.674.467	259.373.083.529	3.532.424.939.770	7.713.635.990.930
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					942.644.491.419

Năm 2019

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	Thức ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.565.890.061.677	2.435.266.891.226	1.560.610.001.600	170.115.867.870	7.731.882.822.373
Tài sản bộ phận	2.686.936.517.992	542.741.666.765	329.666.772.177	3.934.222.734.534	7.493.567.691.468
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					799.065.950.193

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

05. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đầu thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	219.765.346.336			219.765.346.336
Người mua trả tiền trước	127.041.884.478			127.041.884.478
Vay và nợ	3.810.258.425.140	449.025.713.693		4.259.284.138.833
Chi phí phải trả	1.797.977.224			1.797.977.224
Các khoản phải trả phải nộp khác	40.040.391.876			40.040.391.876
Cộng	4.198.904.025.054	449.025.713.693		4.647.929.738.747

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.258.607	1.238.937
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	9.780.642	13.854.669
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(319.304)	(3.445.351)
Vay và nợ thuê tài chính	(43.923.798)	(55.184.398)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(33.203.854)	(43.536.143)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(15.443.673.016)	(20.257.485.882)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	15.443.673.016	20.257.485.882

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo**- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm
Tiền gửi có kỳ hạn	1.052.545.000.000
Hàng tồn kho	1.423.586.801.129
Tài sản cố định hữu hình	403.205.929.211
Quyền sử dụng đất	187.959.877.991
Bất động sản đầu tư	73.791.373.206

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

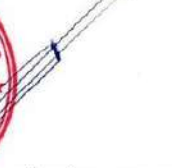
Tổng Giám đốc



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

LÊ VĂN CHUNG